

TÔ TẤT ĐỊA YẾT RA CÚNG DƯỜNG PHÁP

QUYỂN THỨ NHẤT

Phạn Hán: Tam Tạng Pháp Sư THIỆN VÔ ÚY
Việt dịch : Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ
Dịch Phạn Chú: HUYỀN THANH

Quy mệnh chư Như Lai
Và Pháp, chúng Bồ Tát
Liên Hoa, Kim Cang Bộ
Cùng các hàng quyến thuộc
Nay Ta y Giáo nói
Pháp Trì Tụng Cúng Đường
Lược thông cả ba Bộ
Lần lượt được tương ứng
Trước xem nơi **Thần Thất**
Sau nói các Pháp Sự
Khi thọ được Chân Ngôn
Và làm các Án Pháp
Ra vào ở bên ngoài
Pháp chia đất Tẩy Tịnh
Quét dọn nơi Thần Thất
Trừ bỏ các hoa héo
Làm sạch để cúng đường
Sau đó đi tắm gội
Trước là **Tam Ma Gia** (Samaya_ Bản Thệ)
Cột trói các chướng nạn
Tịch Trừ và Hộ Thần
Nước sạch làm trong sáng
Tắm gội tự **Quán Đánh**
Võc nước hiến ba lần
Đến nơi cửa Thần Thất
Thay áo **rảy thân** Pháp
Vào Thất và lẽ bái
Pháp **Cúng Vật** đầy đủ
Tràng chuỗi và Thần Tuyến
Vòng cổ, năm thứ tịnh (của con bò)
Dâng hiến nước **Ú Già** (Argha)

Và an đặt Tòa ngồi
Sau quán Tam Ma Gia (Samaya)
Pháp trừ thân chướng nạn
Tịch Trừ với Khử Cầu (trừ bỏ dơ bẩn)
Pháp **Quang Trạch** thanh tịnh
Hộ Thân và Kết Giới
Tám phương cùng trên dưới
Trước nên tưởng Thần Thất
Pháp **Quán Niệm Bổn Tôn**
Tiếp theo nơi chốn ở
Pháp **Phụng Thỉnh Bổn Tôn**
Dùng **Bổn Tôn Chân Ngôn**
Mời thỉnh Bổn Tôn xong
Liên Trừ Khiển Tòng Ma
Rồi dâng hiến Pháp Tòa
Sau quán Tam Ma Gia (Samaya)
Liên dâng nước Ứ Già
Tám Tôn và dâng áo
Lại hiến hoa, hương xoa
Hương đốt, thức ăn uống
Pháp cúng dường Đèn Sáng (Nhiên Đăng)
Chân Ngôn và Thủ Án
Pháp **Vận Tâm Cúng Dường**
Ngợi khem và sám hối
Hộ Bổn Tôn và mình
Cùng hộ nơi chốn tu
Lại kết Pháp Đại Giới
Bày đủ Bạt Chiết La (Vajra:Chày Kim Cương)
Cùng xâu chuỗi, các Pháp
Phần Chân Ngôn đầy đủ
Lại Pháp **Ngôi trì tụng**
Cầu xin các ước nguyện
Cùng hộ chố niêm tụng
Pháp **Hồi Hướng Công Đức**
Khởi Pháp **Phát Nguyện lớn**
Cùng hiến nước Ứ Già
Pháp Hương xoa, hương đốt....
Lại quán Tam Ma Gia
Hộ thân ta và người
Giải các chố Kết Giới
Sau làm Pháp **Phát Khiển**

Hộ Ma, các chi phần
Là Lư, Thần và Đất
Pháp **Thiêu đốt** đầy đủ
Chuyển đọc Kinh Phương Quảng
Và làm Pháp **Chế Đở** (Caitye:Tháp.Đây là Pháp **ấn tạo** Tháp cúng dường)

Sau lại quán Từ Bi

Pháp **Suy nghĩ sám niệm**

Theo thứ tự như đây

Nay Ta lược nói đủ

_ **Thấy nơi Thần Thất** tức là vào Mạn Đà La (Maṇḍala: Đàm Tràng) rải hoa. Hoa rơi vào Vị nào thì Vị đó là Bổn Tôn.

_ Nói **Sự Pháp** là được Tối Thắng Thọ Minh Quán Đánh, vâng theo A Xà Lê (Acarya: Đạo Sư) ấn khả truyền Pháp Quán Đánh cho đến làm Pháp Tức Tai Các Pháp Quán Đánh khác.

_ **Đối thọ Chân Ngôn và Thủ Án** tức là người Thọ Pháp tắm rửa sạch sẽ, mặc quần áo mới sạch, ở chỗ trong sạch đó quỳ dài cung kính đối trước A Xà Lê , gần gũi thọ Chân Ngôn và Thủ Án. Thời A Xà Lê tụng trước ba biến rồi truyền cho Đệ Tự. Đệ Tử thọ rồi tự tụng ba biến, sanh lòng hoan hỷ sâu xa, cúi lạy làm theo. Đây là tùy sức bày biện cúng dường A Xà Lê, giảng giải Pháp xong mới có thể theo thứ tự niêm tụng

_ **Ra ngoài, vào Thất** tức là sáng chiều làm xong , đi vào các chỗ dơ uế đều dùng **Thọ Xúc Phã Nộ Chân Ngôn** mà hộ thân. Chân Ngôn là:

ॐ ڪڻڌڻ ڪ ڻ

Úm, câu lô đà na, hồng, nhạ

OM KRODHANA HÙM JJAH (?JAH)

Ấn Tướng : Tay phải nắm lại thành Quyền, duỗi thẳng ngón cái hộ năm chỗ là Đánh, hai vai, tim, cổ.

_ **Chia đất thanh tịnh** là dùng năm cục đất chà nơi hạ bộ, dùng ba cục chà nơi tiểu tiện, dùng ba cục chà tay trái, dùng bảy cục chà hai tay. Nếu chưa được sạch thì dùng ý mà chà rửa cho đến khi sạch thì thôi. Ba cục dùng Thọ Xúc Chân Ngôn và Thủ Án ấn đất trì tụng một biến cho đến bảy biến, sau đó mới dùng. Lại dùng Chân Ngôn mà rưới vẩy nơi thân. Chân Ngôn là:

ॐ ڦڻ ڦ ڦ ڦ ڦ ڦ

Úm, Thuật rô đế, sa bà lặc đế, đà la ni, hồng, hạ

OM 'SRUTI SRTI (?SMRTI) DHARANI HÙM HAH

Ấn Tướng: Ngửa lòng bàn tay phải duỗi thẳng năm ngón, hở rộng các kẽ tay, co lồng giữa của ngón vô danh vào lồng bàn tay, ngón cái đè nơi gốc ngón trỏ hướng về phía trước, đây là Pháp **Rải Nước**. Hướng về phương Đông ngồi Tông Cử (Ngồi Xổm) hai tay đế ở nơi đầu gối, đây là **Võc Nước** không co có bợt, không để phát ra tiếng động, uống ba hớp sau đó dùng tay lấy nước rửa

môi miệng . Lấy lưỡi rà trong miệng, xúc miệng cho sạch cặn dơ, sau đó uống nước. Lại kết Án và tụng Chân Ngôn, trước tiên chạm 2 mắt, miệng, tai, mũi, 2 vai, yết hầu, trái tim, đánh thành **Hộ Thân**, các căn thanh tịnh.

_ **Quét dọn Thân Thất** : Tức là tùy theo chỗ thành tựu và việc sai khác cùng điều ấy tương ứng chọn nơi chốn vừa ý , đất không có chướng ngại. Trừ bỏ Phạ Nhĩ La, trùng, ngói, hang hố, xương cốt, lông tóc, tro than.... Đào đất trừ bỏ các đất dơ bẩn, lấy đất sạch đổ xuống rồi lấp đầy, trên đất đó làm cái Thất chắc chắn, bí mật mà làm, không cho gió lọt vào. Cửa thất hướng về Đông, hoặc Bắc hoặc Nam tùy theo việc. Làm Thần Thất xong , lấy phân bò mà xoa tô , dùng nước sạch rưới vảy hoặc dùng hương xoa pha nước sạch, tụng Chân Ngôn mà xoa tô nơi đất.

**ନମ ଶ୍ରୀଦେଖନାମ ସତ ଗଣ୍ଡାରାମ ଶି ହୋଲ ହୋଲ ମନ
ଏକ ଦଙ୍ଗ ମା ମା ମରା ମରା ଶଥ ଶଥ ଏଥ ଏଥମନ
ଶନ୍ତରାତ ଗା ମର ଅଦ୍ଵୟ ଏ ଶନ**

Na mān sa đē lē dā nē vī ca nan. Tát ra phạ đát tha nghiệt đa nan. Ām , vī ra nhi, vī ra nhi, ma ha tát ngật ra, nhật rị, tát đa tát đa, ta ra đē ta ra đē, đát ra dī đát ra dī, vī đà mān ninh, tam bạn nhạ ninh, đa ra mān đē, tát bà nhặt lệ, đát lam, soa ha

NAMA (?NAMAH) STRIDVIKANĀM SARVA TATHĀGATANĀM
ĀM VIRAJI VIRAJI , MAHĀ CAKRA VAJRI , SATA SATA ,
SARATE SARATE, TRAYE (?TRAYI) TRAYI , VIDHAMANI
SAMBHAMJANI TARAMATI (? TRAMATI), SIDDHA AGRI TRĀM
(?TRĀM) SVĀHĀ

_ Hoặc có khi quên mất pháp tắc bị sai lầm , phạm Tam Ma Gia (Samaya) mỗi ngày thường tụng Chú này 3 biến, 7 biến, 108 biến hay trừ lỗi đó.

_ **Bỏ hoa héo** : Cúng dường hoa xong, trước tiên tụng Chú này rồi bỏ hoa
ॐ ଶାହ ମନ୍ତ୍ର ଶାହ ଶଦାନ ଶନ

Úm, thấp vī đē, ma ha thấp vī đē, khu na ninh, soa ha

OM ‘SVITE MAHĀ ‘SVITE KHADANE SVĀHĀ

_ Lại nói Chân Ngôn **quét dọn đất** :

ॐ ହାରା ହାରା ରାଜୋଗରାହରିନ୍ୟ ଶନ

Úm , ha ra ha ra, ra khu nghĩ ra, hạ ra na dā, soa ha

OM HÀRA HÀRA RAJOGRAHĀRINIYA (? RAJO AGRA AHĀRINYA) SVĀHĀ

_ Lại nói Chân Ngôn **tô đắp đất**:

ॐ କରାଳେ ମହା କରାଳେ ଶନ

Úm , yết ra lệ, ma ha yết ra lê, soa ha

OM KARĀLE MAHĀ KARĀLE SVĀHĀ

Trước quét dọn Thần Thất, trừ bỏ hoa héo, rửa sạch các vật đựng đồ cúng dường, sau đó mới tắm gội.

Khi đến nơi tắm gội trước tiên dùng Chú và Án này hộ các vật cúng dường rồi mới có thể đến.

ॐ वज्रा दक्ष स

Úm , thi khu ra, phạ nhặt rị, ám

OM ‘SIKHIRA VAJRI AM

Án Tướng: Tay phải nắm lại thành quyền. Duỗi thẳng ngón cái, ngón trỏ sao cho 2 ngón chạm nhau và đụng vào vật cúng dường mà gia trì

_ Trước tiên tác **Tam Ma Gia** (Samaya) : Tức là trước khi làm Pháp phải tác Tam Ma Gia , sau đó hộ thân làm các việc.

_ Lại nói Tam Ma Gia Chân Ngôn và Thủ Án.

.) Đầu tiên là **Phật Bộ Chân Ngôn**:

ॐ तथागता उद्भवाया स्वाहा

Úm, đát tha nghiệt đố na bà phạ dã, soa ha

OM TATHAGATA UDBHAVAYA SVAHÀ

Án Tướng: Ngửa 2 lòng bàn tay, duỗi thẳng 10 ngón tay hướng về phía trước, hai cẳng bàn tay chạm nhau, hơi co lồng trên của 2 ngón trỏ. Đây là **Phật Bộ Tam Ma Gia Án**

.) Tiếp nói Liên Hoa Bộ Tam Muội Gia Chân Ngôn và Thủ Án

ॐ पद्मा द्बवाया (?PADMA UDBHAVAYA) SVAHÀ

Úm , bát na mô na bà phạ dã, soa ha

OM PADMÀ DBHAVÀYA (?PADMA UDBHAVÀYA) SVÀHÀ

Án Tướng: Chắp 2 tay. 2 ngón trỏ, 2 ngón giữa, 2 ngón vô danh hướng ra ngoài hơi mở không cho chạm nhau. 2 ngón cái, 2 ngón út dính nhau, lòng bàn tay trống như hoa sen nở, sáu ngón (2 trỏ, 2 giữa, 2 vô danh) hơi co. Đây là **Liên Hoa Bộ Tam Muội Gia Án**

.) Lại nói Kim Cang Bộ Tam Muội Gia và Thủ Án

ॐ दक्षस्त्रया स्व

Úm, phạ nhặt lộ na bà phạ dã, soa ha

OM VAJRA UDBHAVAYA SVAHÀ

Án Tướng: Ngửa tay phải để lên lưng bàn tay trái , ngón cái phải bắt chéo ngón út trái, ngón cái trái bắt chéo ngón út phải, 6 ngón kia hơi duỗi như chày Kim Cang 3 chia (Tam Cổ Kim Cang) . Đây là **Kim Cang Tam Muội Gia Án**.

_ Lại cột trói các nạn : Tức dùng Quân Trà Lợi Thủ Án Chân Ngôn cột trói các nạn.

Án Tướng: Tay trái để trên bắp tay phải, ngón cái vịn trên móng ngón út, 3 ngón kia duỗi như chày Kim Cang ba chia. Sau dùng tay phải để trên bắp tay trái , cũng đem ngón cái vịn móng ngón út, duỗi 3 ngón kia như chày ba chia. Hướng mặt về phương Đông rồi ngồi, co gối trái vươn tới trước, chân phải thẳng ngang cách chân trái 2 thước (Thước Tàu) , bàn chân để ngang bấm xuống đất, bậm môi bên mép phải, trợn mắt nhìn qua trái, tướng thân của mình

(tự thân) như Quân Trà Lợi (Am̄taKuṇḍali_ Cam Lộ Quân Trà Lợi) , tụng Căn Bản Chân Ngôn

ନମ୍ ରେଣ୍ଟାଯ ନମ୍ ଶିଖ ଦକ୍ଷ ପଳ୍ଲୟ ମନ ଧକ୍
ଭରପର୍ଯ୍ୟ ନମ୍ ଦକ୍ଷ ଫଵ୍ୟ ଦକ୍ଷକୁଳ୍ୟ କିର୍ତ୍ତାଯ ମନ୍ତ୍ର
ଶମର ସକ୍ଷି ପମ୍ ଦନ୍ତ୍ୟ ଗର୍ବା ଉ ମୁମ୍ବାକୁଣ୍ଡାଳୀ ଯତନ ଯତନ
ଯତନ ଯତନ ଯତନ ଯତନ ଯତନ ଯତନ ଯତନ
ଯତନ ଯତନ ଯତନ ଯତନ ଯତନ ଯତନ ଯତନ
ଯତନ ଯତନ ଯତନ ଯତନ ଯତନ ଯତନ ଯତନ

Nắng mô ra đát nắng đát ra dạ dã

Nắng mān thất chiến nōa phạ nhật ra tri ninh duệ, mān ha được khát sai, tế nắng bát đa duệ

Nắng mô phạ nhật ra cú lô đà dạ, nắng sắt tra lô đát kiết tra bà dã, bội ra phạ dã, a tỳ, mâu tát la, bát ra thú, bả xả ha ta da dã.

Đát điệt tha : Úm, ám mật lật đà quân nōa lị, khư khư, khư khư, khư hế khư hế, để sắt xá đă sắt xá, mān đà mān đà, hạ nắng hạ nắng, nghiệt ra nhẹ nghiệt ra nhạt, vi sa phồ tra vi sa bố tra dã, tát ra phạ vĩ cận nắng, vĩ cận nắng dã kiểm, ma ha da ninh bát đế , nhī vĩ đán đa, ca ra dã, hông , phẩn tra (Tụng 7 biến)

NAMO RATNATRAYÀYA

NAMA (?NAMAH) ‘SCANDA VAJRAPĀNIYE MAHÀ YAKŞA SENAPATAYE

NAMO VAJRA KRODHAYA DAMŞTRATKOTÀ
(?DAMŞTROTKAŞA) BHAYA BHAIKAVAYA ASI MUMARA
(?MUSARA) PRA’SU (?PARA’SU) PA’SA (?PÀ’SA) HASTAYA
(?HASTÀYA)

TADYATHÀ: OM AMRTAKUNDALI KHAKHA KHAKHA KHAHI
KHAHI TIŞTA TIŞTA BANDHA BANDHA HÀNA HÀNA (?HANA
HANA) GARJA GARJA VISPHÀTAYA VISPHÀTAYA (?VISPHOTÀYA
VISPHOTÀYA) SARVA VIGHNA (?VIGHNAM) VIGHNAYAKAM
(?VINAYAKÀNA) MAHÀ GAÑAPATI JIVITAMTAKARAYA (?JIVITA
ANTAKARÀYA) HÙM PHAT

Chân Ngôn này, sau câu **mān đà mān đà** (Bandha bandha) dùng 2 tay, 3 ngón (ngón cái đè trên móng ngón giữa và ngón vô danh) nắm lại thành quyền, các ngón vịn nhau (đuôi ngón trỏ và ngón út, hơi co) thì các nẹn liền bị cột trói.

_ Lại Pháp **tắm gội**: Để làm sạch thân, nên lấy đất sạch chia làm 3 phần (Có thể dùng 3 cục xà phòng thơm) dùng Chân Ngôn Thủ Ān, trì tụng Chân Ngôn:

ॐ ନିଖନ ଦୁଷ୍ଟ ଶନ

Úm, ninh khư nan, phạ tō đè, soa ha

OM NIKHANA VASUDHE SVÀHÀ

Án Tướng: Hai tay cài chéo nhau, các ngón vịn ở lưng bàn tay, dựng thẳng 2 ngón trỏ dựa nhau, dựng thẳng 2 ngón cái vịn bên cạnh 2 ngón trỏ. Dùng Án này chạm vào cục đất, tụng Chân Ngôn, sau đó mới lấy

_ Lại **Tịch Trừ** (Xua đuối): Phàm làm các việc, trước cần Tịch Trừ, sau đó mới có thể làm. **Tịch Trừ Chân Ngôn** là:

ତ୍ରି ଦ୍ଵାରା କାହାର ସମ୍ମାନ କରୁଥିଲୁଗା କାହାର କରୁଥିଲୁଗା

**Nắng mô phạ nhật ra dã, hồng, hạ nắng, đậu nắng, mân tha, vĩ đá
băng ta du, ta ra dã , hồng, phấn tra** (Tụng 7 lần)

NAMO VAJRAYA (?VAJRÀYA) HÙM HANA DHUNA MADHA
(?MATHA) VIDHVAMSAYU (?VIDHVAM SAYA) SARAYA (UDSARÀYA)
HÙM PHAT

Án Tướng: Tay trái co ngón cái vào lòng bàn tay, ngón giữa ngón vô danh đè ngón cái, co ngón trỏ dựa bên lồng giữa của ngón giữa, co ngón út dựa bên lồng giữa của ngón vô danh, duỗi cánh tay để trên đàm, quay theo bên phải 3 vòng và ấn 5 nơi trên thân. Tay phải ngón cái đè móng ngón vô danh, duỗi thẳng 3 ngón kia làm hình Phạ Nhật Ra (Vajra:Chày Kim Cương)để bên hông, chân đứng như Pháp trên. Đây là **Tịch Trừ Án**

_ Lại Tịch Trừ Chân Ngôn và Thủ Án

ତ୍ରି ଦ୍ଵାରା ତାରା କରୁଥିଲୁଗା

Úm, phạ nhật ra, da ra, hồng, phấn tra

OM VAJRA TARA (?TÀRA) HÙM PHAT

Án Tướng: Dùng tay phải vỗ lòng bàn tay trái 3 lần. Đây là **Tịch Trừ Thủ Án**

_ Lại Tịch Trừ Chân Ngôn và Thủ Án

ତ୍ରି କିଲିକିଳା ରାବଦ୍ରା କରୁଥିଲୁଗା

Úm, chỉ lị chỉ la, phạ lão nại ra, hồng, phấn tra

OM KILIKILA RAVADRA (?RAUDRA) HÙM PHAT

Án Tướng: Tay phải búng ngón tay 3 lần

_ Lại Pháp **Hộ Thân**: Dùng Chân Ngôn và Thủ Án để kết Thập Phương Án. **Hộ Thân Chân Ngôn:**

ତ୍ରି ଶକର ଶମ୍ଭାନ୍ଧ ଶନ୍ତ

Úm, thương ca lệ, tam mân diẽm, soa ha

(Đây là Hộ Thân Kết Giới Chân Ngôn)

OM ‘SAKARA (?)SAMKARE) SAMMAYAM (?SAMAYE) SVÀHÀ

Án Tướng: Tay phải ngón cái vẹng móng út, duỗi thẳng 3 ngón kia hơi mở gọi là Phạ Nhật Ra Án (Vajra: Kim Cang Tam Cổ Án) dùng kết phương trên, phương dưới và 8 phương giới dùng để Hộ Thân

_ Lại dùng Chân Ngôn và Thủ Án. Dùng Án ở Thân của mình, nước, đất, các vật thành sạch sẽ thanh tịnh.

ତ୍ରି କିଲିକିଳା ଦ୍ଵାରା କରୁଥିଲୁଗା

Úm, chỉ lì chỉ lị , phạ nhật ra, hông, phấn tra

OM KILIKILI (?KILIKILA) VAJRA HÙM PHAT

Án Tướng: Tay phải ngón cái vịn móng ngón út, duỗi thẳng 3 ngón kia hơi mở, chống ở hông , 3 ngón hướng về phía trước. Tay trái cũng vậy. Dùng chạm vào các vật tức thành thanh tịnh, trừ bỏ các dơ uế. Đây là **Khử Cấu Án** (Án trừ bụi dơ)

_ Lại dùng Quân Trà Lợi Chân Ngôn và Thủ Án làm thanh tịnh

Úm, am mật lật đế, hông, phấn tra

OM AMMRITA (?AMRTE) HÙM PHAT

Án Tướng: Tay phải nắm lại thành quyền, lấy nước tụng 7 biến dùng rưới vẩy trên các vật và trên đánh khiến được sạch sẽ.

_ Lại dùng Chân Ngôn và Thủ Án. Dùng **Quang Trạch Chân Ngôn:**

Úm, nhập phạ ra, nhập phạ ra dã, phạ nạp rị, soa ha

OM JVALA JVALAYA BADHRRRI (?BANDHURI) SVÀHÀ

Án Tướng: Tay trái ngón cái vịn móng ngón út, dựng đứng 3 ngón kia hở kẽ tay, duỗi cánh tay. Tay phải cũng kết Án này nâng cùi chỏ tay trái, dùng tay trái chạm vào các vật và trên thân tức thành Quang Trạch (Sáng bóng loáng)

_ Lại dùng Chân Ngôn và Thủ Án quậy nước

Úm, hông, hạ năng, phạ nhật ra, phạ nhật lè nōa, ha

OM HÙM HANA VAJRI VAJRENA HÀ

Án Tướng: Hai tay cài chéo các ngón bên ngoài, co các ngón nơi 2 lưng bàn tay, co 2 ngón cái vào trong lòng bàn tay, 2 ngón trỏ co đầu chạm móng nhau. Đây là **Án Quậy nước**

_ Lại dùng Chân Ngôn và Thủ Án, lấy đất xoa thân. Chân Ngôn là:

Úm, bộ ra nhạ phạ ra, hông

OM BHÙR JVARA (?BHÙR JALA) HÙM

Án Tướng: Lấy đất hòa nước. Hai tay ngón cái đè móng ngón út, các ngón kia mở, 2 tay dựa vào nhau. Lấy tay phải xoa khắp thân. Đây là **Thủ Địa Đồ Thấn Án** (Án lấy đất xoa thân)

_ Lại Quân Trà Lợi Chân Ngôn và Thủ Án. Tụng **Thủy Chân Ngôn**

Úm, a mật lật đế, hông, phấn tra (7 biến)

OM AMRTE HÙM PHAT

Án Tướng: Trước duỗi tay phải ngang bằng, co ngón giữa ngón vô danh đè móng ngón cái, co ngón trỏ và ngón út để bên ngón giữa và ngón vô danh, trì tụng Chân Ngôn. Đây là **Án Quậy nước và tắm gội**

_ Lại Chân Ngôn và Thủ Án khiển trừ Tỳ Na Dạ Ca (Vinayàka: Loài gây chướng nạn) trong thân. Chân Ngôn là:

କୁମାର ଦଶ ଦଶ ଜ୍ଞାନ ଦଶ

Úm, a mệt lật đế, hạ nǎng hạ nǎng, hὸng, phấn tra

OM AMRTE HANA HANA HÙM PHAT

Án Tướng: Hai tay co ngón cái vào lòng bàn tay, mỗi mõi đều nắm thành quyền, duỗi 2 ngón trỏ cùng cài chéo nhau nhập vào trong hổ khẩu, dùng Án để từ đánh kéo xuống dưới chân rồi tách ra. Đây là **Án Khiển trừ Tỳ Na Da Ca trong thân**

_ Lai dùng Quân Trà Lợi Chân Ngôn và Thủ Án hộ 5 chõ trên thân

ଓঁ দক্ষণ শশপথ শন

Úm, phạ nhật ra kỳ kinh, bát ra nẽ bát đa dã, soa ha

OM VAJRAGA (?VAJRA AGNI) PRADAPTÀYA (?PRADIPTÀYA)
SVÀHÀ

Ấn Tướng: Hai ngón út cài chéo nhau trong lòng bàn tay, 2 ngón vô danh cùng đè 2 ngón út, dựng thẳng 2 ngón giữa dựa đầu nhau, hơi co 2 ngón trỏ bên lóng trên của ngón giữa cách nhau một hạt lúa, dựng thẳng 2 ngón cái dựa bên ngón giữa, ấn chạm 5 chỗ tức thành Hô Thân.

_ Lại dùng Chân Ngôn và Thủ Án , trì tụng mỗi mỗi phần đất

କେ ପୃଥିବୀ ପୃଥିବୀ ନୟପୃଥିବୀ ସମ୍ବଲିତ ଶଦ

Úm, độ tỳ độ tỳ, ca dã độ tỳ, bát ra nhĩ phạ lý ninh, soa ha (3 biến)

ॐ धर्पि धर्पि कायद्धर्वि (?धुपे धुपे
कायद्धुपे) प्रज्वलिनी स्वाहा

Án Tướng: Hai tay ngón trỏ và ngón út đều dựa nhau, co 2 ngón giữa 2 ngón vô danh trong lòng bàn tay. Hai tay đối lưng nhưng không chạm nhau, 2 ngón cái đầu chạm nhau. Ở chỗ để 3 cựa đất, lấy một cựa, dùng Án ấn đất, tung 3 biến, chà từ chân đến rốn rồi chà tay, dùng nước rửa sạch, thứ hai thứ ba cũng vậy, chà và rửa sạch. Lại lấy cục thứ hai, như trên trì tung 3 biến chà từ rốn đến cổ. Lại lấy cục thứ ba, như trên trì tung, chà từ cổ đến đánh. Xong rồi lại tung Chân Ngôn, tác Thủ Án và tắm gội. Lại tác Án và tung Chân Ngôn chà khắp thân rồi xả Án ở trái tim. Đây gọi là **Bị Giáp Án**, tung Thổ Án

_ Lại Quân Trà Lợi Căn Bản Chân Ngôn. Dùng tay quậy nước, tùy ý tăm gội

ਗਮ ਇਵਾਦ੍ਯ ਗਮ ਬਿਨੁ ਵਜ਼ਪਲਥ ਮਨ ਧਕ
 ਮਨਪਗਥ ਗਮ ਵਜ਼ ਕਰਦ ਪਕਣਾ ੫੮ ਦੰਡਕਲਦ੍ਯ
 ਨੀਂਦ੍ਯ ਸੁਸ ਸੁਸਤੁ ਵਜ਼ ਪਰਾਈ ਪਸ ਕਸ ਗੁਖ ਤੁ
 ਸੰਸਾਰ ਕੁਝਾਇ ਰਿਵਰ ਰਿਵਰ ਰਿਵਰ ਰਿਵਰ ਰਿਵਰ ਰਿਵਰ
 ਰਿਵਰ ਰਿਵਰ ਰਿਵਰ ਰਿਵਰ ਰਿਵਰ ਰਿਵਰ ਰਿਵਰ
 ਰਿਵਰ ਰਿਵਰ ਰਿਵਰ ਰਿਵਰ ਰਿਵਰ ਰਿਵਰ ਰਿਵਰ
 ਰਿਵਰ ਰਿਵਰ ਰਿਵਰ ਰਿਵਰ ਰਿਵਰ ਰਿਵਰ ਰਿਵਰ

ଦକ୍ଷଣ ମର ଅଥ ଅନ୍ତର୍ଯ୍ୟ ମର ଗରମଣ
ରାତ୍ରିନାରାତ୍ରି ହୁ ହୁ ହୁ ହୁ ହୁ

Na mô ra đát năng đát ra dạ dã

Na mang thất chiến nõa phạ nhật ra trì nñnh duệ, ma ha được khất sa,
tế năng bát đa duệ

Na mô phạ nhật ra cu lô đà dã, bát ra nha phạ lý đa, nẽ bát đa, năng
sắt tra rô đắc ca tra bà dã, bội ra phạ dã, a tỳ, mān ta ra, phạ nhật ra, bát
ra thâu, ba xã, hạ ta gia dã .

Đát điệt dã tha: Úm, a mật lật đa quân noa lý, khư khư khư khư, khư
năng khư năng khư năng khư năng, khư đà khư đà khư đà khư đà, khư tú
khư tú khư tú khư tú, để sắt tra để sắt tra, hạ năng hạ năng, noa hạ noa hạ,
bát dã bát dã, nghiệt lật hạ nõa nghiệt lật hạ nõa, man đà man đà, nghiệt
ra nhạ nghiệt ra nhạ, đát ra nhạ đát ra nhạ, vĩ ta phồ tra dã vĩ ta phồ tra
dã, bà già phạm, năng một lật đa quân nõa lý, mẫu lật bà năm đa nõa dã,
phạ nhật lệ nõa , tát ra phạ vi đà na dã, vi na dã kiểm ninh phạ ra dã, ma
ha già na bát đê, nhĩ vĩ nan đà, ca ra dã , hòng hòng, phẩn tra phẩn tra, cù
rô đà căn năng duệ, soa ha (3 biến)

NAMO RATNATRAYÀ YA

NAMAṄ ‘SCANDA VAJRAPANIYE MAHÀ YAKŞA
SENAPATAYE

NAMO VAJRA KRODHÀ YA PRAJVALITA DIPTA
DAMŚTRATKOṬA (?DAMŚTROTKAṬA) BHAYA BHAIRAVAYA ASI
MRSALA (?MUSARA) VAJRA PARA’SU PA’SA (?PÀ’SA) HASTA
(?HASTÀ YA)

TADYATHÀ: OM AMMRITA KUDOLI (?AMRTAKUNDALI)
KHAKHA KHAKHA _ KHANA KHANA _ KHADA KHADA KHADA
KHADA _ KHAKI KHAKI KHAKI (?KHAHI KHAHI KHAHI
KHAHI)_ TIŞTA TIŞTA _ HANA HANA _ DAHA DAHA _ PACA PACA
_ GRHANA GRHANA (?GRHNĀ GRHNĀ) _ VADDHA VADDHA
(?BANDHA BANDHA) _ GARJA GARJA _ TRAJA TRAJA _
VISPHOTAYA VISPHOTAYA _ BHAKHAVAMNAMRTAKUTALI
(?BHAGAVAN AMRTAKUNDALI) MURITANAMTANUYA (?MURTA
ANTANUYA) VAJRANA _ SARVA VIGHNAYA VINAYAKÀM
(?VINAYÀ KA) NIVARAYA _ MAHAKHANAPATI (?MAHÀ GANAPATI)
JIVITAMTAKÀRAYA (?JIVITA ANTAKARÀYA) _ HÙM HÙM _ PHAT
PHAT _ KRODHAGNAYE (?KRODHA AGNAYE) SVÀHÀ

_ Tự Quán Đánh dùng Chân Ngôn và Thủ Án. **Tự Quán Đánh Chân Ngôn** là:

ॐ ଖାଲାଲା ହୁ ହୁ

Úm, ha , khư lị lị, hòng , phẩn tra

OM HAṄ KHALALA (?KHAKILI) HÙM PHAT

Án Tướng: Hai ngón út cài chéo nhau trong lòng bàn tay, 2 ngón vô danh đè trên 2 ngón út, dựng thẳng 2 ngón giữa dựa đầu ngón bên 2 ngón trỏ. Dùng Án vốc nước, tụng Chân Ngôn 3 biến tự Quán Đánh (Tự rưới nước lên đánh đầu của mình)

_ Lại dùng Chân Ngôn và Thủ Án tự kết búi tóc

ॐ ଶୁଦ୍ଧ ହାତ ଶନୀ

Úm, tô tất địa yết lị, sa phạ ha

ॐ SASIDDHI (?SUSIDDHI) KARI SVÀHÀ

Án Tướng: Tay phải nắm thành quyền, duỗi thẳng ngón cái, đem ngón trỏ đè trên ngón cái rồi quấn lại như hình vái vòng, tụng 3 biến rồi để trên đảnh tức thành kết búi tóc

.) Phật Bộ Kết Phát (Cột tóc) Chân Ngôn

ॐ ଶର୍ମିତ ପାତ୍ର ଶନୀ

Úm, thi kỳ thi khế, soa ha

ॐ 'SAKHA 'SIGA (?)SIKHI 'SIKHI SVÀHÀ

.) Liên Hoa Bộ Kết Phát Chân Ngôn

ॐ ପ୍ରଥମ ଶନୀ

Úm, thi khế, soa ha

ॐ 'SIKHI SVÀHÀ

.) Kim Cang Bộ Kết Phát Chân Ngôn

ॐ ପ୍ରତ୍ସମ ଶନୀ

Úm, thi khư tá, soa ha

ॐ 'SIKHASYA SVÀHÀ

_ Phàm tắm gội thời không nên tắm trong nước có bùn do vũng có gai, có trùng, không chảy nước ruộng. Lại không được tiểu tiện trong nước, không lội giỗn, không được xem chõ kín và tưởng chõ kín của phụ nữ với các chõ khác. Yên lặng mà tắm vì bỏ các cáu bẩn không vì trang nghiêm thân mà tắm

_ Lại hiến 3 vốc nước. Sau khi tắm xong, hướng mặt về nơi Bổn Tôn ngự , quán niệm Bổn Tôn , trì tụng Chân Ngôn và tác Án. Dùng Án mực nước dâng hiến 3 vốc, tưởng tắm Bổn Tôn và hiến Ủ Già.Hoặc ở trong nước tùy ý niêm tụng hướng về nơi Đạo Tràng

.) Phật Bộ Hiến Thủy Chân Ngôn

ॐ ତୋରେ ଏତ୍ତ ଶନୀ

Úm, đế ra lệ, phật đà, soa ha (Tụng 3 biến vốc 3 vốc nước)

ॐ TERALE BUDDHA SVÀHÀ

.) Liên Hoa Bộ Hiến Thủy Chân Ngôn

ॐ ହାତ ହାତ ଶନୀ

Úm, tỳ rị tỳ rị, hồng, phấn tra (Tụng 3 biến vốc 3 vốc nước)

ॐ BHIRI BHIRI HÙM PHAT

.) Kim Cang Bộ Hiến Thủy Chân Ngôn

ॐ ହାତ ଏତ୍ତ ଶନୀ

Úm, vi thấp phạ, phạ nhật lị, soa ha (Tụng 3 biến vốc 3 vốc nước)

OM VI'SVA VAJRE SVÀHÀ

Án Tướng: Ngửa ngang bằng 2 tay dựa bên cạnh nhau, 2 ngón trỏ vịn 2 đầu ngón cái, hơi co 6 ngón kia. Dùng Án vốc nước, tụng Chân Ngôn 3 lần, dâng rửa Bổn Tôn. Hiến xong tụng Chân Ngôn xả Án

_ Dùng A Tam Man Kỳ Ninh Chân Ngôn

ॐ ମାମାଙ୍ଗିନୀ ହୃ ମୁଖ୍ୟ

Úm, a tam man kỲ ninh, cật lỆ, hỒNG, phẤn tra

OM ASAMAMGINI HRI HÙM PHAT

Án Tướng: Tay phải để sau lưng tay trái, ở trong không gặp nhau, 2 ngón cái hướng thẳng lên trên, xoay qua trái một vòng Giải Giới

_ Khi đến Đạo Tràng tức là đi đến Đạo Tràng không được khởi sân si và tham dục, chuyên niệm Bổn Tôn mà đi đến. Ở trong Thần Thất không nên bước qua các vật như Khí Trượng, thuốc thang tức là các Pháp Khí như chuông, mõ, tích trượng, các Án, hoa héo, thuốc, cây cỏ đều không nên đạp lên. Các hình Tháp, Tôn Tượng, Tỳ Kheo đều không nên đạp lên. Cũng không được cõi voi, ngựa, lạc đà, dê, lừa... không nên cõi và thân không được chạm đến. Nếu phạm tức đọa Tam Ma Gia. Cũng không nên khởi tham, sân, si, mạn, trạo cử, kiêu ngạo. Không mang giày dép hoặc đội mũ vào Đạo Tràng. Gặp Tháp, hình tượng Sư Trưởng nên lấy đồ mà che cung kính mới đến Đạo Tràng.

_ Tắm gội sạch sẽ, thay quần áo mới sạch tức là đến đứng ở ngoài cửa Đạo Tràng, rửa tay chân, dùng Thủ Án Chân Ngôn đã nói lúc trước. Lại uống nước và Sái Tịnh (rưới vảy cho trong sạch)

.) Phật Bộ Ẩm Thủy Sái Tịnh Chân Ngôn

ॐ ମାହା ଜଵଳା ମୁଖ୍ୟ

Úm, ma ha nhập phạ la, hỒNG

OM MAHÀ JVALA HÙM

.) Liên Hoa Bộ Ẩm Thủy Sái Tịnh Chân Ngôn

ॐ କୁରୁ କୁରୁ କୁରୁ ଶନ୍ତି

Úm, đô đô ra, cu rô cu rô, sa phạ ha

OM TUTULA KURU KURU SVÀHÀ

.) Kim Cang Bộ Ẩm Thủy Sái Tịnh Chân Ngôn

ॐ ଷାଣ୍ଡା ଦର୍ଶନୀ ମୁଖ୍ୟ

Úm, nhập phạ lị đa, phạ nhật lị ni, hỒNG

OM JVALITA VAJRINI HÙM

Lại nói Phật Bộ Ẩm Sái Thủy Thủ Án: Ngửa duỗi tay phải, co lóng giữa ngón vô danh và ngón út vào trong, không chạm lòng bàn tay

Liên Hoa Bộ Ẩm Thủy Sái Tịnh Thủ Án: Như Phật Bộ Án bên trên

Kim Cang Bộ Ẩm Thủy Sái Tịnh Thủ Án : Như Phật Bộ Án bên trên, chỉ mở ngón trỏ và ngón út

_ Lại dùng Chân Ngôn và Thủ Án rưới vảy ngoài cửa và quần áo

ॐ विमला शब्द

Úm, vi mān la, soa ha

OM VIMALI (?VIMALA) SVÀHÀ

Án Tướng: Tay phải nắm thành quyền, lấy nước trì tụng rồi rưới vẩy trên quần áo.

_ Lại dùng Chân Ngôn trì tụng nơi quần áo rồi mặc

ॐ परिवर्ता वज्रिनी हूम्

Úm, bát rị phạ ra đa, phạ nhật rị ni, hồng

OM PARIVARTA (?PARIVARTTA) VAJRIÑI HÙM

_ Vào Thần Thất lễ bái. Hành Giả nhất tâm vào Đạo Tràng. Khi vào Thất rồi, hướng mặt về Bổn Tôn, chắp tay làm lễ. Trước tiên ở trong Thất đặt Tôn Dung của Bổn Tôn, hoặc Tháp hoặc để Tòa, lễ bái xong thì cúng dường.

Lại bày biện các món cúng dường tức là đốt hương.... 5 thứ Ngưu Tịnh (5 món của con bò), Thần Tuyến, nhẫn cổ, tòa ngồi, vật Ứ Già, chày Kim Cang, xâu chuỗi, hạt cải trắng, dây lưng. Đây gọi là **Vật Cúng**

Khi vào Thất thời miệng tụng Chân Ngôn bước vào

ॐ लक्ष्मण वज्रिनी हूम्

Úm, nhập phạ lị đa , lộ giả năng, hồng, phấn tra (Tụng 7 biến thông cho cả 3 Bộ)

OM JVALATA (?JVALITA) LOCANA HÙM PHAT

_ Lại nêu tên Tam Ma Gia Chân Ngôn và Án

.) Phật Bộ Chân Ngôn

ॐ गणगच्छाय शब्द

Úm, đát tha nghiệt đố na bà phạ dã, soa ha (Tụng 5 biến)

OM TATHĀGATA UDBHAVĀYYA SVÀHÀ

Án Tướng: Ngửa 2 lòng bàn tay, duỗi thẳng 10 ngón tay hướng về phía trước, hai cẳng bàn tay chạm nhau, hơi co lồng trên của 2 ngón trỏ.

.) Tiếp nối Liên Hoa Bộ Tam Muội Gia Chân Ngôn và Thủ Án

ॐ वशक्षत्य शब्द

Úm , bát na mô na bà phạ dã, soa ha (Tụng 5 biến)

OM PADMĀ DBHAVĀYYA (? PADMA UDBHAVĀYYA) SVÀHÀ

Án Tướng: Chắp 2 tay. 2 ngón trỏ, 2 ngón giữa, 2 ngón vô danh hướng ra ngoài hơi mở không cho chạm nhau. 2 ngón cái, 2 ngón út dính nhau, lòng bàn tay trống như hoa sen nở, sáu ngón (2 trỏ, 2 giữa, 2 vô danh) hơi co. .) Lại nói Kim Cang Bộ Tam Muội Gia và Thủ Án

ॐ दक्षक्षत्य शब्द

Úm, phạ nhật lộ na bà phạ dã, soa ha (Tụng 5 biến)

OM VAJRA UDBHAVĀYYA SVÀHÀ

Án Tướng: Ngửa tay phải để lên lưng bàn tay trái, ngón cái phải bắt chéo ngón út trái, ngón cái trái bắt chéo ngón út phải, 6 ngón kia hơi duỗi như chày Kim Cang 3 chia (Tam Cổ Kim Cang).

_ Lại nên dùng Chân Ngôn và Thủ Án tịch trừ Tỳ Na Dạ Ca trong thân.
Chân Ngôn là:

ॐ अमृते हना हना घट

Úm, am mật lặc đế, hạ nǎng hạ nǎng, hông, phán tra

OM AMMRTE (?AMRTE) HANA HANA HÙM PHAT

Án Tướng: Hai tay co ngón cái vào lòng bàn tay, từ ngón giữa trở xuống nắm lại thành quyền, duỗi 2 ngón trỏ, phải trái cài chéo nhau nhập vào trong Hổ Khẩu. Dùng Án từ trên đánh kéo xuống đến chân

_ Lại nên dùng Chân Ngôn và Thủ Án tịch trừ

ॐ एवाय श हना वृत्त मणि अधिष्ठाय सराय घट

Nǎng mô phạ nhật ra dã, hông, hạ nǎng, độ nǎng, mān tha, vĩ đặc
mộng ta du ra dã, phán tra (7 biến)

NAMO VAJRAYA (?VAJRÀ YA) _ HÙM _ HANA DHUNA (?DHUNA)
MATHÀ (?MATHA) VIDHVAMSAYÀ (VIDHVAMSAYA) SARAYA
(?UDSARÀ YA) PHAT

Án Tướng: Tay trái co ngón cái vào lòng bàn tay, ngón giữa và ngón vô danh đè ngón cái, co ngón trỏ chạm bên lóng giữa của ngón giữa, co ngón út chạm bên lóng giữa của ngón vô danh, duỗi thẳng cánh tay, xoay trên đầu 3 vòng theo bên phải, ấn 5 chỗ trên thân. Tay phải ngón cái đè móng ngón út, duỗi thẳng 3 ngón kia làm hình chày Kim Canh, chống tay ở hông, Pháp đứng như trước.

_ Lại Tịch Trừ Chân Ngôn và Thủ Án

ॐ एवा तारा श हना

Úm, phạ nhật ra, đà ra, hông, phán tra

OM VAJRA TALA (?TÀRA) HÙM PHAT

Án Tướng: Dùng tay phải vỗ lòng bàn tay trái 3 lần.

_ Lại Tịch Trừ Chân Ngôn và Thủ Án

ॐ किलिकिली रावा राउद्रा घट

Úm, chỉ lị chỉ la, phạ lão nại ra, hông, phán tra

OM KILIKILI RAVA RAUDRA HÙM PHAT

Án Tướng: Tay phải búng ngón tay 3 lần

Tại sao gọi là **Tịch Trừ**? Tức là hương hoa, y áo, các thứ có nạn phải trừ đi để cho sạch sẽ.

_ Lại dùng Chân Ngôn và Thủ Án trừ bỏ dơ bẩn (Khử cấu)

ॐ किलिकिली एवा श हना

Úm, chỉ rị chỉ rị, phạ nhật ra, hông, phán tra

OM KILIKILA VAJRA HÙM PHAT

Án Tướng: Tay phải ngón cái vịn móng ngón vô danh, duỗi thẳng 3 ngón kia hơi mở, chống ở hông, 3 ngón hướng về phía trước. Tay trái cũng vậy. Dùng chạm vào các vật tức thành thanh tịnh, trừ bỏ các dơ uế. Đọc **Chỉ rị chỉ rị** (Kili kili) rất mạnh là xua đuổi.

_ Lại làm thanh tịnh, dùng Bộ Tâm Chân Ngôn , làm quyền lấy nước , tụng 7 biến, rưới vẩy các vật khiến được thanh tịnh.

.) Phật Bộ Tâm Chân Ngôn

ॐ जीना जिक

Úm, nhĩ nă̄ng, nhĩ ca

OM JINA JIK

.) Liên Hoa Bộ Tâm Chân Ngôn

ॐ अलोलिक

Úm, a rô lực ca

OM ALOLIK (?AROLIK)

.) Kim Cang Bộ Tâm Chân Ngôn

ॐ वज्रा धर्म

Úm, phạ nhật ra, tri lặc ca

OM VAJRA DHRK

_ Lại làm Quang Trạch. Trì tụng Chân Ngôn và tác Án, dùng ấn khiến cho các vật thành quang trạch

.) Phật Bộ Quang Trạch Chân Ngôn

ॐ तेजे तेजे सिद्धे सद्या हूम

Úm , đế thê đế nhạ , tỷ vĩ ninh, tỷ đế ta đà dã, hòng, phẩn tra (3 lần)

OM TEJE TEJE SIVINI SIDDHE SADHAYA (?SÀDHAYA) HÙM

PHAT

.) Liên Hoa Bộ Quang Trạch Chân Ngôn

ॐ दीप्या दीप्या दीप्या महा शवा महा

Úm, nẽ tỷ dã nẽ tỷ dã, nẽ bí dã, ma ha thất rị duệ, sa phạ ha (3 biến)

OM DÌPYA DÌPYA DIPAYA MAHÀ ‘SRÌYE (?)SRÌYE) SVÀHÀ

.) Kim Cang Bộ Quang Trạch Chân Ngôn

ॐ बाहु बाहु बाहु भावु महा

Úm, nhập phạ la, nhập phạ la dã, mãn độ lị, sa phạ ha (3 biến)

OM JVALA JVALAYA BAĐARI (?BANDHURI) SVÀHÀ

Án Tướng: Tay trái ngón cái vịn móng ngón vô danh, duỗi thẳng 3 ngón kia hơi hở, duỗi cánh tay về phía trước. Tay phải cũng vậy để dưới tay trái, dùng tay trái chạm vào các vật, tức thành Quang Trạch. Án này thông cho cả 3 Bộ.

_ Lại tác Hộ Thân. Kết Minh Vương Thủ Án , tụng Chân Ngôn ấn đánh và 5 chõ , khiến thành hộ thân kiên cố .

ॐ दक्ष अग्नि श्रद्धाया महा

Úm, phạ nhật ra kỳ kinh, bát ra nẽ bát đà dã, soa ha (3 biến)

OM VAJRA GNI(?AGNI) PRADIPTAYA (?PRADIPTÀYA) SVÀHÀ

Án Tướng: Hai ngón út cài chéo nhau trong lòng bàn tay, 2 ngón vô danh cùng đè 2 ngón út, dựng thẳng 2 ngón giữa dựa đầu nhau, hơi co 2 ngón trở

bên lóng trên của ngón giữa cách nhau một hạt lúa, dựng thẳng 2 ngón cái dựa bên ngón giữa, ấn chạm 5 chỗ tức thành Hộ Thân.

_ Lại tác Đại Hộ Thân Án. Tụng Chân Ngôn và tác Thủ Án, ấn 5 chỗ thành Đại Hộ Thân

ॐ नमः नाया हूम् फः

Úm, nhập phạ la năng dã, hōng, phẩn tra (5 biến)

ॐ JVARA (?JVALA) NAYA HÙM PHAT

Án Tướng: Như Án Hộ Thân bên trên

_ Lại Bị Giáp Chân Ngôn và kết Án chà xát trên đảnh xuống đến chân thành Bị Giáp (Mặc áo giáp)

ॐ वृष्टि वृष्टि नायद्वत् षङ्गो शङ्

Úm, độ tỳ độ tỳ, ca dã độ tỳ, bát ra nhập phạ lị ninh, soa ha (3 biến)

ॐ DHRPI DHRPI KÀYADHṚVI (?DHÙPE DHÙPE KÀYADHÙPE) PRAJVARI (?PRAJVALINI) SVÀHÀ

Án Tướng: Hai tay mở duỗi 10 ngón tay

_ Lại dùng Chân Ngôn và Thủ Án tác Kết Kế (Cột búi tóc). Chân Ngôn là:

ॐ शुस्ति करि शङ्

Úm, tô tất địa, yết rị, soa ha

ॐ SUSIDDHI KARI SVÀHÀ

Án Tướng: Tay phải nắm thành quyền, duỗi thẳng ngón cái ấn ở trên đảnh. Đây là Án kết tóc chung cho cả 3 Bộ.

.) Phật Bộ Kết Kế Chân Ngôn

ऋग्मः शुश्तिरूपं सर्वं गणगणं ओऽ महा शूरा शङ्

Na mān sa đát lệ dã địa vĩ ca nan, tát ra phạ đát tha nghiệt đà nan.

Úm, tất đà, lộ giả ninh, sa phạ ha (7 biến)

NAMAH STREMDHVIKANÀM (?STRIDHVIKANÀM)
TATHÀGATANÀM_ OM SIDDHA LOCATE (?LOCANE) SVÀHÀ

.) Liên Hoa Bộ Kết Kế Chân Ngôn

ऋग्मः रथयथ ऋग्मः पश्चपाय ओऽ न॒ शङ्

Na mô ra đát năng đát ra dạ dã. Na mān bát na mān tri nīnh duệ. Úm, ca lai, soa ha (7 lần)

NAMO RATNATRAYÀYA

NAMAH PADMAPĀNAYE (?PADMAPĀNIYE)

ॐ KATA SVÀHÀ

.) Kim Cang Bộ Kết Kế Chân Ngôn

ऋग्मः रथयथ ऋग्मः शिखा दक्षपाय मन अ॒
मनपाय ऋग्मः न॒र॒न॒ं ग॒र॒ध॒ल॒ न॒र॒त॒ न॒र॒ अ॒
अ॒च॒ अ॒ल॒य॒ शङ्

Na mô ra đát năng đát ra dạ dã

**Na mān thát chiến noa phạ nhật ra trì ninh duệ, ma ha dược khất sa, té
na bát đà duệ**

**Na mān ca la ngạt lật đán đà lỗ tỷ ni, thương ca lệ, phiến đế ca rị, già
tra, nẽ gia tra đà dã, soa ha (7 lần)**

NAMO RATNATRAYÀYA

NAMAH ‘SCANDA VAJRAPANAYE MAHÀ YAKŞA
SENAPATAYE

NAMAH KALAKRANÀM TARÙPINI ‘SAMKALE (?)SAṄKARE)
'SAMTI (?)SÀNTI) KARI _ GHATA NIGHATA PATANIYE SVÀHÀ

Án Tướng như trên

_ Lại An đế Tòa Bàn: Tùy theo chõ của Bản Tôn. Trước hết nên quán
tưởng nơi phuong đó, núi báu trong biển lớn, trên núi tưởng tòa Sư Tử báu. Sau
đó quán tưởng lầu gác báu treo các dây lụa, phuong phan, lọng báu có lưới Ma
Ni để trang nghiêm. Liên tục quán tưởng, sau đó tụng Chân Ngôn hay làm mỗi
chõ quán tưởng đều thành tựu

_ Thành Tựu Đại Hải Chân Ngôn

ॐ अमरदत्त

Úm, tỳ mān rô na địa, hòng (3 biến)

ॐ VIMĀLODATI (?VIMALA UDADI) HÙM

_ Thành Tựu Bảo Sơn Chân Ngôn

ॐ अरु

Úm, a giả la, hòng (3 biến)

ॐ ACALA HÙM

_ Thành Tựu Bảo Sư Tử Tòa Chân Ngôn

ॐ अरु अरु शन

Úm, a giả la, vi lê, soa ha (3 biến)

ॐ ACALA VIRE (?VIRE) SVÀHÀ

_ Thành Tựu Bảo Liên Hoa Chân Ngôn

ॐ अरु शन

Úm, ca man ra, soa ha (3 biến)

ॐ KAMALA SVÀHÀ

_ Thành Tựu lầu gác báu các thứ trang nghiêm Chân Ngôn

ॐ अमः सद गणगाम ओ महार त्वं तारत शुर
कृष्ण गणगाम शन

Úm, năng man tát ra phạ đát tha nghiệt đà năm.

Úm, tát ra phạ tha, khiếm, ô đà nghiệt đế, sa phạ ra, hê mān ám, già
già năng kiếm, soa ha (7 biến)

ॐ NAMAH SARVA TATHAGATÀNÀM

ॐ SARVATHÀ KHAM _ UTAKATE (?UDGATE) SPHARA
HIMAM GAGANAKÀM SVÀHÀ

Án đồng như Biện Chư Sư Án

_ Lại dâng hiến nước Ú Già. Tùy theo Bộ khác nhau cùng su85 thành tựu tương ứng mà làm đồ đựng nước tức là : Vàng, bạc, thục đồng, đá, cây, ngôi, thương khư (Óc tù và), ốc, cây, lá Vật này không được bể nát, nứt, xấu xa, có lỗ thủng... đựng đầy nước thơm tùy theo Bộ Loại, bỏ các thứ hoa vào, dùng Biện Sự Chân Ngôn trì tụng. Sau đó tụng Bộ Mẫu Chân Ngôn tức lấy đồ đựng nước Ú Già trì tụng rồi đặt ở bên trái

Biện Sự Chân Ngôn và Thủ Án là Tịch Trừ Chân Ngôn và Thủ Án

_ Lại nói 3 Bộ Mậu Chân Ngôn và Thủ Án

.) Phật Bộ Mẫu Chân Ngôn

ନମ୍ ଦ୍ଵାରାଗସ୍ତ୍ରଧ୍ୟ ତ ହୁ ଶୁଣ କୁଣ ଅଷ୍ଟ ମଦ୍ ଶ୍ରୀ
ମଦ୍ଧ ମପତ୍ର ଶନ୍ତ

Năng mô bà già phạ đồ sắt ni sa dã.

Úm, rô rô, ta phồ rô, nhạ phạ ra, đẽ sắt tra, tất đà, lô giả ninh, tát phạ
ra tha, ta đà ninh, soa ha

NAMO BHAGAVATOŚNISAYA

OM RURU SPHARU (?SPHURU) JVALA TIŞTA SIDHA (?SIDDHA)
LOCANE SARVARTHA (?SARVA ARTHA) SADHANI (?SÀDHANI)
SVÀHÀ

.) Liên Hoa Bộ Mẫu Chân Ngôn

ଦୂର ଶୁରୁନ୍ତୁ ଦୁଃଖ ଶୁରୁ ନରଶ ମନ୍ତ୍ର ମଦ୍ ମର୍ଦ୍ଦ
ମଦ୍ ଶୁଧ ଏକମନ୍ତ୍ର ତ ହେ ଅହେ ହେ ଅହେ ହେ ହେ ହେ
ଦ୍ଵାରା ଅନ୍ଯ ଶନ୍ତ

Na ra xá năng, ta bát lặc ra xá năng tiện diễn, phạ thất ra phạ sa mān
ra, nē năng dā tả, mān hàm, yát ra phạ tát đát phạ nan, tát ra phạ vi dā
địa, chỉ chỉ ta ca. Úm , ca lai, vi ca lai, ca tra vi tra, ca tra ca lai, bà già phạ
đẽ, vi nhạ duệ, soa ha (Tụng 3 biến. Đây là Bán Nōa Ra Chân Ngôn: Bạch Y
Chân Ngôn)

DAR'SANA SVRRGANABHYA VA'SRAVA SMARANI
NACASYAM AHĀM SARVASATVĀNĀM SARVA VYADHI
CAHISAKA

OM KATE VIKATE KATA VIKATA KATAM KATE
BHAGAVATI VIJAYE SVÀHÀ

.) Kim Cang Bộ Mẫu Chân Ngôn

ନମ୍ ରଦ୍ଧାଧ୍ୟ ନମ୍ ଶୁଣ ଦକ୍ଷମଧ୍ୟ ମନ ଧର
ମନମଧ୍ୟ ତ କୁଣ୍ଠପତ୍ର ଦର ଦର କୁ କର

Na mô ra đát năng đát ra dạ dā

Năng mān thất chiến noa, phạ nhật ra trì ninh duệ, ma ha dược khất
xoá, tê na bát đà duệ

Úm, cu lan đạt rị, mān đà mān đà, hồng, phẩn tra (3 biến. Đây là
Mang Māng Kê Chân Ngôn)

NAMO RATNATRAYÀYA

NAMAH ‘SCANDA VAJRAPANIYE (?VAJRAPĀNIYE) MAHĀ YAKṢA SENAPATAYE (?SENAPATĀYE)

OM KULOMDHARI (?KULANDHĀRI) BANDHA BANDHA HÙM PHAT

_ Lại nói Bộ Tâm Chân Ngôn

.) Phật Bộ Tâm Chân Ngôn

ॐ जीवा जीवा

Úm, nhĩ năng, nhĩ ca (7 biến)

OM JINA JIK

.) Liên Hoa Bộ Tâm Chân Ngôn

ॐ अरुक्तुम्

Úm, a rô lực ca (7 biến)

OM ALORIK (?AROLIK)

.) Kim Cang Bộ Tâm Chân Ngôn

ॐ एक्षु धूम्

Úm, phạ nhật ra, tri lặc ca (7 biến)

OM VAJRA DHRK

_ Lại nói **Phật Bộ Mẫu Phật Nhãm** Ān Tướng: Hai tay chắp lại, co 2 ngón cái vào lòng bàn tay, hơi co ngón trỏ đè ở lưng lồng trên của ngón giữa

_ Lại nói **Liên Hoa Bộ Mẫu Bán Nõa Ra Phạ Tư Ninh** Ān Tướng: Chắp tay, 10 ngón đều cong đầu chạm nhau, lòng bàn tay trống rỗng như hoa sen nở, cổ tay đính nhau

_ Lại nói **Kim Cang Bộ Mẫu Mang Māng Kê** Ān Tướng: Chắp tay co 2 ngón trỏ và ngón vô danh vào trong lòng bàn tay, lưng ngón dựa nhau, dựng thẳng 6 ngón kia chạm nhau

_ Lại nói **Phật Bộ Tâm** Ān Tướng: 8 ngón cài chéo nhau trong lòng bàn tay, lồng giữa của 8 ngón lòi ra, gượng thẳng 2 ngón cái sao cho đầu ngón không chạm nhau

_ Lại nói **Liên Hoa Bộ Tâm** Ān Tướng: Y như Phật Bộ Tâm Ān, chỉ đổi lại, co ngón cái trái vào lòng bàn tay, dựng thẳng ngón cái phải

_ Lại nói **Kim Cang Bộ Tâm** Ān Tướng: Y như Phật Bộ Tâm Ān, chỉ đổi lại, co ngón cái phải vào trong lòng bàn tay, dựng thẳng ngón cái trái

_ Pháp **Ú Già** : Tùy theo Bộ tương ứng và sự thành tựu, đủ như trong Kinh nói. Khi dâng hiến thời dùng Bổn Chân Ngôn trì tụng mà hiến dâng

_ Lại **Phụng Thỉnh Bổn Tôn** : Hành Giả tùy theo chỗ tác Pháp. Trước tiên tưởng Tòa xong, lại dùng Chân Ngôn Thủ Ān

_ Thành tựu Xa Lộ phụng tống Bổn Tôn

.) Xa Lộ Chân Ngôn

ॐ तुरु तुरु ह

Úm, đổ rô đổ rô , hồng (3 biến, thông cho cả 3 Bộ)

OM TURU TURU HÙM

Án Tướng: Hai tay từ ngón giữa trở xuống, 6 ngón tay cài chéo nhau nhập vào trong lòng bàn tay, dựng thẳng 2 ngón trỏ chạm đầu nhau, 2 ngón cái dựa bên 2 ngón trỏ, 2 lòng bàn tay hở ra, 2 cổ tay cách xa, 6 ngón cùng chạm lòng bàn tay. Án này thông cho cả 3 Bộ.

Tổng Xa Lộ xong, liền tưởng chữ ấy, ở giữa thêm câu và tác Thủ Án, hoặc chỉ thỉnh một mình Bổn Tôn, hoặc có quyền thuộc

ତ୍ରୈ ଶୁଦ୍ଧାତ୍ମକଂ ମତ୍ତ ଗର୍ଭାଗମ୍ ତଂ ଦସ୍ତାନ୍ତି ହଥ୍ୟ
ଶନ୍ତି

Na mān ta dát lè dã địa vĩ ca nan, tát ra phạ dát tha nghiệt đà nan. Úm, phạ nhật lam kỳ ni dã, yết ra lè (trong đây để câu lại) dã, soa ha

NAMAH STREMYADHIVIKĀNĀM (?STRIYADHVIKĀNĀM)
SARVA TATHĀGATĀNĀM

OM VAJRAMGITYAKARŚAYA (? VAJRAMGINI AKARŚĀYA)
SVĀHĀ

Án Tướng: Y Xa Lộ Án ở trên, chỉ đổi lại, ngón cái phải và ngón giữa trái chạm đầu nhau. Án này phụng thỉnh chung cho cả 3 Bộ

_ Hoặc dùng Bộ Tâm Chân Ngôn, trong để câu lại, làm Án mà thỉnh. Nếu dùng Bộ Tâm Chân Ngôn thì Bổn Tôn hoan hỷ mau đến

.) Phật Bộ Tâm Chân Ngôn

ତଂ ଜୀନା ଜିକ

Úm, nhĩ năng, nhĩ ca (25 biến)

OM JINA JIK

Án Tướng: Y Phật Bộ Tâm Án, 2 ngón cái hướng phía trước chiêu với 3 lần tức thành thỉnh

.) Liên Hoa Bộ Tâm Chân Ngôn

ତଂ ଅଲୋରିକ

Úm, a lô lực ca (25 biến)

OM ALORIK (?AROLIK)

Án Tướng: Y Phật Bộ Tâm Án, ngón cái phải hướng phía trước chiêu với 3 lần tức thành thỉnh

.) Kim Cang Bộ Tâm Chân Ngôn

ତଂ ଦ୍ଵାରା ଧର୍ମ

Úm, phạ nhật ra, trì lặc ca (25 biến)

OM VAJRA DHRĀK

Án Tướng: Y Phật Bộ Tâm Án, đổi lại ngón cái trái hướng phía trước chiêu với 3 lần tức thành thỉnh.

_ Khi muốn **Phụng Thỉnh**: Trước tiên bày lư hương, tụng Chân Ngôn, làm sạch đường đi trong hư không, sau đó phụng thỉnh. Tịch Trừ Chân Ngôn là:

ତଂ ଶମନ୍ତି ହର୍ତ୍ତ ଫଣାଗନ୍ଧାର୍ମଶନ୍ତି ଫଣ ଫଣ ଦ୍ଵା ଦ୍ଵା
ନା ନା ନା ନା

**Úm, tô tất địa ca lị, nhập phạ lị đa, nãm đa mō ra đa duệ, nhập phạ ra
nhập phạ ra, mān đà mān đà, hạ năng hạ năng, hồng, phán tra**

OM SUSIDDHI KARI _ JVALATANĀMTAMRRTTAYE (? JVALITA ANANTA MURTTAYE) JVALA JVALA BANDHA BANDHA HANA HANA HÙM PHAT

_ Kim Cang Bộ Tịnh Trừ Đạo Lộ Chân Ngôn thông cho cả 3 Bộ

.) Phật Bộ Tịnh Trừ Đạo Lộ Chân Ngôn

ॐ शत्रुं श

Úm, nhập phạ ra, hổ hồng

OM JVALA HÙM

.) Liên Hoa Bộ Tịnh Trừ Đạo Lộ Chân Ngôn

ॐ पश्य रुग्वा॒ मद्य॑ मद्य॑ रुग्वाद्य॑ श्व

**Úm, bát na ma ninh, bà già phạ đế, mō ha dā, mō ha dā, nhạ nghiệt
mō hả ninh, soa ha**

OM PADMANE (?PADMINI) BHAGAVATI MOHAYA MOHAYA JAGAR MOHANI SVÀHÀ

_ Tác Pháp này xong thời trong không trung , chuồng nạn đều trừ sạch sẽ, thành Kính Giác Bổn Tôn

Trước tiên tác **Phụng Thỉnh Án** , tụng câu này một biến, lại nên tụng Phụng Thỉnh Chân Ngôn

ॐ रुक्मि॑ रुग्वा॒ उद॑ रुक्मि॑ सम्य॑ ए॒ श्व॑ ए॒ म॒ष्टुम॑ अ॑
म॒रु॑ ए॒ रुक्मि॑ ए॒ रुक्मि॑

**Ê hê duệ hê, bà già phạm, ninh ha , bạc đế dạ năng, ta man duệ năng
giả, ứ gia kiện dā, tam bát la đế thê nam, bố nhạ giá nại nẽ dā, bát la hê na
dương (Chung cho phụng thỉnh 3 Bộ)**

EBHYEHI (?EHYEHI) BHAGAVAM NIHA BHAKTYANA SAMAYE NACA ARGHA CA SAMPRATISEDAM PÙJA CADADYA PRAHIDAME

Tùy theo Tòa Ngôi của Bổn Tôn, các tướng hoan hỷ , phẫn nộ cho đến Hành Giả tướng mạo tương ứng mà thỉnh Bổn Tôn

TÔ TẤT ĐỊA YẾT RA CÚNG DƯỜNG PHÁP QUYỂN THỨ NHẤT (Hết)

Thiên Hỷ năm thứ ba, tháng chín, ngày mồng bảy chép xong
Bổn của Tăng Bình Nguyên

TÔ TẤT ĐỊA YẾT RA CÚNG DƯỜNG PHÁP

QUYỂN THỨ HAI

Phạn Hán: Tam Tạng Pháp Sư THIỆN VÔ ÚY
Việt dịch : Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ
Dịch Phạn Chú: HUYỀN THANH

_ Lại Trừ Khiển Tùy Ma Pháp . Có Tỳ Na Dạ Ca (Vinayàka) theo chư Tôn. Thỉnh Bổn Tôn đến liền dùng **Chỉ Lị Chỉ Lị Chân Ngôn** và Án mà trừ

ॐ शक्ति शक्ति दश शक्ति

Úm, chỉ lị chỉ lị, phạ nhật ra, hồng, phấn tra (7 biến)

ॐ KILI KILI VAJRA HÙM PHAT

Án Tướng: Tay trái ngón cái vịn móng ngón út, duỗi thẳng 3 ngón kia làm hình Bạt Chiết La (Vajra:Chày Tam Cổ) hướng ra ngoài. Dùng Chỉ Lị Chỉ La Kim Cang (Kilikila Vajra) Chân Ngôn và Án mà trừ khiển

_ Lại xem Tam Ma Gia (Samaya) . Làm Trừ Khiển xong, dùng tay phải xem Án tụng Chân Ngôn khiến đứng lại

ॐ शक्ति शक्ति शक्ति

Úm, thẳng yết lị, tam ma diễm, soa ha (7 biến)

ॐ 'SAMKARE SAMAYAM SVÀHÀ

Án Tướng: Tay phải ngón cái vịn móng ngón út, duỗi thẳng 3 ngón kia làm hình Bạt Chiết La (Vajra) hướng ra ngoài.

_ **Dâng Tòa** mời ngồi: Trước tiên hiến Ú Già , sau đó mời ngồi. Vật Ú Già dùng Bổn Chân Ngôn trì tụng rồi hiến, hoặc dùng chung Ú Già Chân Ngôn trì tụng tùy theo sự thành tựu sai khác. Dâng Ú Già nên để ở trái tim cho đến đâu gối mà dâng hiến

ॐ अष्ट अष्ट अष्ट अष्ट अष्ट अष्ट अष्ट

Úm, được khất sam năng na dã, kiến nại la, đạt nổ, bát rị dã, bát xá bát xá, soa ha

ॐ YAKŞA (?YAKŞAM) NADAYA (?NADÀYA) KATRA (?KANDA) DHANUPRIYA (?DHANUPRYA) PA'SÀ (?PA'SYA) PA'SÀ SVÀHÀ

Án Tướng: Dùng Hộ Thân Án, đổi lại ngón cái để bên ngón trỏ.

Vào 3 thời: Sáng, chiều, giữa Ngọ dùng Chân Ngôn Thủ Án dâng tòa sen cúng dường Bổn Tôn

.) Phật Bộ Phụng Tòa Chân Ngôn

ॐ अष्ट अष्ट अष्ट

Úm, vị ra, vị ra dã, soa ha

OM VÌRA VÌRAYA (?VÌRÀYA) SVÀHÀ

.) Liên Hoa Bộ Phụng Tòa Chân Ngôn

ॐ वृरा वृराया स्वाहा

Úm, bát na man, vĩ ra dã, soa ha

OM PADMA VÌRAYA (?VÌRÀYA) SVÀHÀ

.) Kim Cang Bộ Phụng Tòa Chân Ngôn

ॐ पद्मा वृराया स्वाहा

Úm, phạ nhât ra, vi ra dã, soa ha

OM VAJRA VÌRAYA (?VÌRÀYA) SVÀHÀ

Án Tướng: Chắp 2 tay mở rộng ngón trỏ, ngón giữa, ngón vô danh , mở rộng lòng bàn tay cách nhau ; 4 ngón tay (2 ngón cái, 2 ngón út) dựa nhau đứng thẳng. Án này thông cho cả 3 Bộ dâng hiến Liên Hoa Tòa

Lại nói:” *Thiện Lai Thể Tôn* (Đức Thế Tôn khéo đến). *Do sức Bổn Nguyện mà đến nơi đây, cúi xin gia trì . Tha hồ mời thỉnh cùng nhận nơi con các món cúng dường, khởi Đại Từ Bi, cúi xin nạp thọ”*

Nếu bày biện quần áo, Anh Lạc dùng Biện Sự Chân Ngôn trì tụng mà phụng hiến

_ Pháp **Kết Giới** : Dùng Kim Cang Xuyên (Cái then cài) kết Địa Giới, Dùng Kim Cang Tường kết phương trên.

Kim Cang Xuyên Chân Ngôn:

ॐ नमः कल्पनाम् दक्षं दक्षं शुरु दक्षं दक्षं शुरु दक्षं

Úm, chỉ lị chỉ lị, phạ nhât ra, bạt chiết lị, bộ ra, mān đà mān đà, hōng, phẩn tra (3 biến)

OM KILI KILI VAJRA VAJRI BHŪRA BANU BADA (?BHŪR BANDHA BANDHA) HÙM PHAT

Án Tướng: Tay trái ngón giữa, ngón vô danh hướng ra ngoài nhập vào kẽ giữa ngón vô danh, ngón giữa của tay phải. Đem ngón vô danh trái quấn ngón vô danh phải, lưng ngón tay nhập vào lòng bàn tay phải. Ngón giữa trái quấn ngón giữa phải, lưng ngón tay nhập vào lòng bàn tay phải. 2 ngón út và 2 ngón trỏ dựa nhau, 2 ngón cái đứng thẳng đụng đầu nhau. Dùng Án phụ 2 cánh tay, 2 ngón cái chấn đất, tụng Chân Ngôn thành **Kết Địa Giới**

_ Lại dùng Kim Cang Câu Lan Chân Ngôn và Thủ Án để kết Phương trên

ॐ अशुरोऽस्त्रं दक्षं अशुरोऽस्त्रं

Úm, vi sa phồ ra na ra khất sa, phạ nhât ra, bán nhạ ra, hōng, phẩn tra (3 biến)

OM VISPHURAD RAKSA PAMJARA (?PAMJALA) HÙM PHAT

Án Tướng: Y Xuyên Án trên chỉ đổi lại ngón cái phụ bên 2 ngón trỏ. Đứa Án hướng lên trên, tụng Chân Ngôn thành **Kết Giới nơi hư không** . Đây là Kim Cang Câu Lan Tường Án

_ Kim Cang Tường Chân Ngôn Thủ Án

ॐ अर्थात् दक्षं अशुरोऽस्त्रं

Úm, tát ra tát ra, phạ nhạt ra, bát ra ca ra, hồng, phán tra (3 biến)

OM SARA SARA VAJRA PRAKARA HÙM PHAT

Án Tướng: Y Xuyên Án trên chỉ đổi lại 2 ngón cái mở ra đứng thẳng. Đưa Án từ bên phải xoay 3 vòng và tụng Chân Ngôn thành tựu Kim Cang Tưởng. Đây là Kim Cang Lư (cái lò lửa) Án

_ Lại dùng Kim Cang Quyết Sách Chân Ngôn Án kết Giới phương Đông

ॐ दर्शनं पूर्णं गगानं मला हूम्

Úm, bạt chiết la bà xả, hật rị, già già na, ma ra, hồng (3 biến)

OM VAJRAPA (?VAJRAPÀ'SA) HRÌH GAGANA MALA HÙM

Án Tướng: Tay trái co ngón trỏ dựa vào gốc ngón cái, duỗi thẳng ngón cái đè móng ngón trỏ mở thành vòng tròn, 3 ngón kia cùng đứng mở rộng. Tay phải cũng vậy, đem lưng 3 ngón tay kia để trong 3 ngón tay trái

_ Lại dùng Kim Cang Phan kết Giới phương Tây

ॐ पञ्चमी रुद्रे

Úm, bát đăng kỳ ni, ra tra (3 biến)

OM PANUMGINI (?PATAMGINI) RAT

Án Tướng: Tay trái nắm quyền dựng thẳng ngón cái. Tay phải duỗi 5 ngón để bên trên đầu ngón cái trái, lòng bàn tay hướng vào thân kêt Giới phương Tây

_ Lại Kim Cang Ca Lợi Chân Ngôn Án kết Giới phương Bắc

ॐ दर्शनं शशी रुद्रे महाम्

Úm, phạ nhạt ra, ca lị, ra tra, man tra (3 biến)

OM VAJRAKALI RAT MAT

Án Tướng: 2 ngón cái, 2 ngón út chạm đầu nhau. Co các ngón kia hướng vào lòng bàn tay, lưng các ngón không chạm nhau cũng không chạm lòng bàn tay, kết Giới phương Bắc

_ Lại dùng Kim Cang Phong Chân Ngôn kết Giới phương Nam

ॐ दर्शनं अस्त्रे रुद्रे महाम्

Úm, phạ nhạt ra, thi khư ra, rô tra, mān tra (3 biến)

OM VAJRA 'SIKHARA RUT MAT

Án Tướng: Tay trái nắm lại thành quyền, duỗi thẳng ngón cái. Tay phải cũng vậy để trên đầu ngón cái trái. Ngón cái phải và ngón trỏ phải vịn đầu nhau , y Án này kết Giới phương Nam, chỉ đổi lại tay phải từ ngón giữa trở xuống duỗi thẳng 3 ngón . Đây cũng gọi là Phong Án

_ Lại dùng Chân Ngôn tụng 7 lần vào lòng bàn tay phải, đưa ngón tay chạm đất thành kết Giới phương dưới (Hạ Phương) . Ngửa bàn tay vỗ lên trên thành kết Giới phương trên (Thượng Phương)

ॐ अस्त्रे महाम् शशी

Úm, thương yết lệ, tam mān diēm, soa ha (7 lần)

OM 'SAMKARE SAMAYAM SVÀHA

_ Lại dùng A Tam Man Kỳ Ninh Chân Ngôn và Án nếu dùng Hỏa Viện

ॐ असमग्नि ह्रीं हूँ रुद्र

Úm, a tam man kỲ ninh, ha lợi, hỒNG, phán tra (3 biến)

OM ASAMAMGINI HRÌH HÙM PHAT

Ấn Tướng: Lưng các ngón tay phải để trong ngón tay trái, 2 ngón cái hướng thẳng lên trên, xoay Ấn qua phải một vòng thành Hỏa Viên

_ Lại dùng Ấn Chân Ngôn kết Đại Giới

ॐ अकार मन ममद्य शूर

Úm, thăng yết lệ, man ha tam ma diêm, soa ha (7 lần. Đây là Tam Trùng Giới Nội Kết Đại Giới Chân Ngôn)

OM 'SAMKARE MAHÀ SAMAYAM SVÀHÀ

Ấn Tướng: Hai tay ngón út, ngón vô danh cài chéo nhau trong lòng bàn tay, duỗi thẳng 2 ngón giữa chạm đầu nhau, co 2 ngón trỏ để ở lưng lóng trên của ngón giữa, không chạm vào ngón giữa như chày ba chia, 2 ngón cái để bên 2 ngón trỏ. Chuyển khắp 8 phương, trên, dưới. Lại tụng Chân Ngôn thành kết Đại Giới

Như vậy làm xong. Giả sử gần Luân Vương Phật Đảnh và các Chân Ngôn tương nghịch khác cũng không thể gây hoại, không làm mất oai lực của Bổn Tôn. Các Chân Ngôn Phá Minh, cột trói và Pháp trừ bỏ của chư Hữu đều không có dịp thuận tiện gây hại.

_ Lại đủ Phạ Nhật Ra tức là chày Kim Cang, xâu chuỗi, nhẫn, dây lưng, vòng đeo tay, hoa sen, cờ xí...dùng nước thơm làm Tịnh, hoặc các thứ khác làm Tịnh, dùng Bổn Tôn Chân Ngôn mà trì tụng. Khi niệm tụng và khi Hộ Ma đều cần chuẩn bị đầy đủ các vật trên

_ Lại nói Thành Tựu Bạt Chiết La và các vật. Bạt Chiết La tùy theo tương ứng để trong đồ đựng đặt trước mặt, an trên Tòa. Dùng Bạch Đà, Uất Kim, Tử Đà tùy theo Bộ Loại mà bôi xoa. Lại dùng hương hoa... cầm mà cúng dường, thỉnh Kim Cang ... Chân Ngôn Chủ, dùng Chân Ngôn ấy trì tụng hương hoa mà cúng dường. Lại tụng ngàn biến gọi là thành tựu.

Bạt Chiết La Chân Ngôn

ॐ एव दक्ष न

Úm, độ nǎng, phạ nhật ra, ha

OM DHUNA VAJRA HÀ (?HAH)

Bạt Chiết La :Dùng Tử Đà làm ba chia, trì tụng ngàn biến

_ Phật Bộ Tịnh Sổ Châu Chân Ngôn

गम इद्रयथ ओ महात्र अरुथ अहि अस्थ शूर

Na mô ra đát na đát ra dạ dã. Úm, ứ na bạt đế, vi nhẹ duệ, tất địa, đà lật thế, soa ha

NAMO RATNATRAYÀYA

OM ADBHUTE VIJAYE SIDDHI SIDDHATHE (?SIDDHA ARTHA)
SVÀHÀ

_ Liên Hoa Bộ Tịnh Sổ Châu Chân Ngôn

ନମ ପଦ୍ମପାନୟ ତ ମସଗ ନମ ଶ୍ରୀ ଶମଖେ ଶକ

Na mô bát trì mā n trì noa duệ. Úm, am bà một lị đam nghiêm mô, thất lị duệ, thất lị mang lý nẽ, soa ha

NAMO PADMAPĀNAYE (?PADMAPĀNAYE)

OM AMRTA GAME (?ANGA ME) ‘SRÌYE ‘SRÌMALINI SVÀHÀ

_ Kim Cang Bộ Tịnh Sổ Châu Chân Ngôn

ନମ ରତ୍ନଧୟ ନମ ଶମ ଦକ୍ଷପାନୟ ମନ ଧର
ମନପାନୟ ତ କୁର କୁର ଫିଲ ଶକ

Na mô ra đát năng đát ra dạ dã.

Na ma thất chiến nōa phạ nhật ra trì nñnh duệ, ma được khát xoa, té na bát đà duệ.

Úm, chỉ lị chỉ lị, lau nại rị vĩ, sa ha

NAMO RATNATRAYÀYA

NAMA (?NAMAH) ‘SCANDA VAJRAPĀNAYE (?VAJRAPĀNAYE)

MAHÀ YAKṢA SENAPATAYE

OM KIRI KIRI (?KILI KILI) RAUDRINI SVÀHÀ

Mỗi dâng 3 Bộ Tịnh Châu Chân Ngôn. Tùy theo Bổn Bộ Chân Ngôn xâu qua lỗ của hạt châu, mỗi một hạt tụng 7 biến cho đến khi xâu xong, lại tụng Chân Ngôn trăm biến. Sau đó lại như Pháp trên mà Tịnh Sổ Châu, tiếp dùng Chân Ngôn này làm thành tựu

_ Phật Bộ Thành Tựu Sổ Châu Chân Ngôn

ତ ନମ ରତ୍ନଧୟ ଶମହ ମନପାନୟ ମନଧ ଶକ

Úm, na mô bà nga phạ đế, tô tất địa, sa đà dã, tất đà lật thế, soa ha

OM NAMO BHAGAVANI (?BHAGAVATI) SUSIDDHE (?SUSIDDHI)
SIDDHA RTHA (?ARTHA) SVÀHA

_ Liên Hoa Bộ Thành Tựu Sổ Châu Chân Ngôn

ତ ଦଶ ମତ ଅଥ ପଶ ମହିଳ ଶକ

Úm, phạ tô mān đệ, thất lị duệ, bát lặc mān man lý nẽ, soa ha

OM VASU MATI ‘SEYE (??SRÌYE) PADMA MALINI SVÀHÀ

_ Kim Cang Bộ Thành Tựu Sổ Châu Chân Ngôn

ତ ଦଶ ରାତ ରାଧ ଶକ

Úm, phạ nhật ra, nhī đam nhạ duệ, soa ha

OM VAJRA JITAM JAYE SVÀHA

Dùng Thành Tựu Sổ Châu Chân Ngôn này thỉnh Bổn Bộ Chân Ngôn ở trên Sổ Châu cho đến cúng dường, trì tụng ngàn biến dùng làm thành tựu

_ Lại nói Án Tướng cầm Sổ Châu: Tay phải ngón cái vịn đầu ngón vô danh, duỗi thẳng ngón giữa, ngón út, hơi co ngón trở chậm bên lóng trên của ngón giữa. Án này thông cho cả 3 Bộ. Đây là dùng Phật Bộ Sổ Châu Án

Lại nói Án Tướng cầm Sổ Châu Liên Hoa Bộ: Tay phải ngón cái vịn đầu ngón giữa, duỗi thẳng 3 ngón kia. Tay trái cũng vậy

Lại nói Ấн Tường cầm Sổ Châu Kim Cang Bộ: Tay phải nắm quyền, ngón cái vịn ngón trỏ. Tay trái cũng vậy.

_ Dùng hạt Hoạt Nhĩ làm niêm châu Phật Bộ

Dùng hạt sen làm Quan Âm Bộ Sổ Châu

Dùng hạt Rô Nại Ra Xoa làm Kim Cang Bộ Sổ Châu

_ Lại nói Pháp lấy hạt Hoạt Nhĩ , hạt sen, hạt Rô Nại Ra Xoa , Thương Khư, Đá, cây Mộc Hoạn, vàng, bạc, chì, thiếc, đồng, lưu ly... tùy ý chọn một loại, sốt hơn một trăm lần xâu chuỗi. Dùng tay phải cầm, tâm không tán loạn, lụng một biến lần một hạt, không lộn xộn sau trước

_ Lại nói vòng xuyễn, vòng đeo tay : Lấy hạt Ni Tử hoặc hạt khác, dùng Bộ Mẫu Chân Ngôn Thủ Ấn trì tụng hương hoa để cúng dường và rưới vảy nước thơm. Lại dùng Bổn Bộ Mẫu Chân Ngôn Ấn thỉnh lại gia trì , sau lại cúng dường cho đến trì tụng ngàn biến

_ Dùng cổ Nại Bà làm nhẫn đeo ở ngón vô danh, dùng Bộ Tâm Chân Ngôn, như trước làm thành tựu cho đến trì tụng ngàn biến, mỗi mỗi y theo Bổn Bộ, thứ tự nêu biết

_ Lại làm dây lưng: Nhờ Đồng Nữ xe dây, dùng hoa màu đỏ lam mà nhuộm hoặc nghe, nhuộm , như trước làm Pháp thành tựu cho đến tụng ngàn biến. Khi niệm tụng, khi Hộ Ma và khi ngủ thì buộc ở lưng để ngăn xuất tinh

Thành tựu dây lưng Chân Ngôn

ଓ ହର ହର ହରା ହରା ଶିଳ୍ପ ପରମ ଅନ୍ତର ଶନ

Úm, ha ra ha ra, mãn đà mãn đà nê , thúc khất ra đà ra ni, tất đạt lật thế, soa ha

OM HÀRA HÀRA BADA BADANI (?BANDHA BANDHANI)
‘SÙKRA DHARANI SIDDHA RTHA (?ARTHA) SVÀHÀ

Chung cho cả 3 Bộ, dùng Ấn và Bộ Mẫu đồng

Trong Phật Bộ dùng dây màu trắng. Liên Hoa Bộ dùng dây màu vàng, Kim Cang Bộ dùng dây màu đỏ. Các vật đầy đủ ở thân, mới có thể làm Pháp, y Kinh y Bộ như Kinh đã nói.

_ Kết Đại Giới xong, lại nên cúng dường. Tùy theo thành tựu và việc Bộ sai khác. Chỗ bày biện hương xoa, màu sắc, mùi vị, mùi hương cùng tương ứng điều ấy. Trước đã nói làm sạch trừ cát cho đến Quang Trạch, đồ hương... dùng Chân Ngôn này và Bổn Bộ Chân Ngôn trì tụng gia hộ , sau kết Thủ Ấn dâng hiến

_ Phụng Đồ Hương Chân Ngôn

ଓମ ଗର୍ହଣ ଶିଳ୍ପକୁଣ୍ଡ ଶିରଧି ଶିରଧି ଗଧ ମଧ୍ୟ ଲଦ୍ଧ ଲଦ୍ଧ
ନକ୍ଷତ୍ର ସତ୍ତରାତ୍ମି ସମ୍ବନ୍ଧ ଓ ମନ୍ଦର ମନ୍ଦର ମନ୍ଦ ଅନ୍ତର ମନ୍ଦର ଶନ

Y dương ngôn đà thâu bà nẽ ni dạ, thâu giả dã, thâu nẽ du na năng
mẫu dạ nẽ phệ nẽ đố, bạt ngặt đế, đố bạc ngặt đế dạ, bát la đế cật lật hê
dã, bát la tứ nã dương.

Úm, a ha ra, a ha ra, tát ra phạ vĩ nẽ dạ, đát ra bő nhĩ đế, soa ha (7
biến thông cho 3 Bộ)

IME GADDHAጀ ‘SUBHÀDIVYA ‘SUCAYAH ‘SUCAYO NAYA
MAYA NIVE NIጀ BHAKTYA PRATIGRHYA PRASIDAME

OM AHARA AHARA (?ÀHARA ÀHARA) SARVA VIDYADHARA
(?VIDYÀDHARI) PÙJITE SVÀHÀ

ÁN Tướng: Tay phải duỗi 5 ngón, thẳng bàn tay hướng ra ngoài. Tay trái
hướng lên trên nắm cổ tay phải. Đây là **Hiến Đồ Hương Án**

.) Lại Phật Bộ Phụng Hiến Đồ Hương

ॐ शग्राह तष्ट्य गमः शद्

Úm, a khất lộ đa ra, ngặt ra, vĩ sai duệ, na man, soa ha (7 biến)

OM AGÀTNÀRAGRA (?AGRA UTTARA AGRA) VIጀAYE
NAMAH SVÀHÀ

.) Liên Hoa Bộ Phụng Hiến Đồ Hương

ॐ वृक्ष वृक्ष वृत्पति वृग् वृश्चन्द्र श नद्

Úm, na lật tri, na lật tri, na lật tra bát ninh, na lật đế dạ, na lật đế bát
ninh, hồng, phấn tra (7 biến)

OM NR̄TI NR̄TI NR̄TAPATI NR̄TE (?NR̄TI) NR̄TYAPANE
(?NR̄TYAPATI) HÙM PHẬT

.) Kim Cang Bộ Phụng Hiến Đồ Hương

ॐ असर असर श नद्

Úm, vĩ tát ra, vĩ tát ra, hồng, phấn tra (7 biến)

OM VISARA VISARA HÙM PHẬT

_ Lại trước có nói Khử Cấu cho đến Quang Trạch, Hoa dùng Chân Ngôn
này và Bổn Chân Ngôn trì tụng, sau đó kết Thủ Án dâng hiến

Phụng Hoa Chân Ngôn

ॐ शमन शुद्धि शुरु शुरथ गथ गमय शुद्धि शु
द्धि शुद्धि शुद्धि शुद्धि शुद्धि शुद्धि शुद्धि शुद्धि शुद्धि

Y dương tô mãn năng, tô nẽ vĩ dạ, thâu da dã, thâu dã du năng dã,
năng mãn dạ, ninh phệ nẽ đa, bạt cật đế dạ, bát la đế khất lặc hê, bát la tứ
na dương.

Úm, a ha ra, a ha ra, tát ra phạ vĩ nẽ dạ đat ra, bő nhĩ đế, soa ha (7
biến)

IME SUMANA SUDIVYA ‘SUCA ‘SUCAYO NAYA NAMAYA
NIVEDITA BHAKTYA PRATIGRHYA PRATIDAME

OM AHARA AHARA (?ÀHARA ÀHARA) SARVA VIDYADHARA
(?VIDYADHÀRI) PÙJITE SVÀHÀ

Án Tướng: Như Xa Lộ Án lúc trước, chỉ đổi lại ngón cái để bên ngón trỏ.
Đây là **Phụng Hiến Hoa** thông cho cả 3 Bộ.

.) Phật Bộ Phụng Hoa Chân Ngôn

ଓঁ শিখি সিখি শন

Úm, thi kỵ, thi khế, soa ha (7 biến)

OM 'SIKHI 'SIKHE SVÀHÀ

.) Liên Hoa Bộ Phụng Hoa Chân Ngôn

ଓঁ এণ্ডানি গড়ি মদোনি শন

Úm, chiến ni ninh kiện đà mô định ni, hồng, phán tra (7 biến)

OM CANDANI GADOMODENDA (?GANTÀMODENDHA) HÙM

PHAT

.) Kim Cang Bộ Phụng Hoa Chân Ngôn

ଓঁ কু কংগা শন

Úm, bộ ri nhạ phạ lan đà chỉ, soa ha (7 biến)

OM BHÙR JVALÀMTAGA (?JVALA AMTAGE) SVÀHÀ

_ Lại trước có nói **làm sạch** đến Quang Trạch Đồ Hương..... Dùng Chân Ngôn này và Bổn Bộ Chân Ngôn mà trì tụng, sau đó kết Án mà phụng hiến.

Thiêu Hương Chân Ngôn

শধ দণ ঘতৰশ হৃক গুচ শুকুল গমধ তথ
অগ সু বুধ শুকুর ত মুর মুর মু অকুর
মুর শন

A diên phạ năng, ta bát để ra tố hạ lật nẽ dã, kiện đà trī da tō ra bô
nhạ năng mān dạ, ninh phệ nẽ đô, bạt cật để da, đô báo diêm, bát ra để
ngật lật hê dã nan.

Úm, a hạ ra, a hạ ra, tát ra phạ vĩ nẽ dã đạt la, bố nhạ đế, soa ha (7
biến thông cho cả 3 Bộ)

AYAM VANA GHATIRASU (?SPATIRASAU) HRDYA GAḌADYA
(?GANDHĀDYA) SURABHOJA NAMAYA NIVE DITO BHAKTYA
DHUBOYAM PRATITRHYANAM (?PRATIGRHYANAM)

OM AHARA AHARA (?ÀHARA ÀHARA) SARVA VIDYADHARA
(?VIDYADHĀRI) PŪJITE SVÀHÀ

Án Tướng: Hai tay ngón út, ngón vô danh, ngón giữa cùng hướng vào
trong, chạm lưng nhau hướng thẳng lên trên, 2 ngón trỏ cách nhau một hạt lúa
không chạm nhau, 2 ngón cái phụ dựa bên 2 ngón trỏ(Đây là **Phụng Hiến
Hương** thông cho cả 3 Bộ)

.) Phật Bộ Phụng Thiêu Hương Chân Ngôn

ওঁ শমনি ইষ্য প্রিয়া শন

Năng mô ngật la mạn nő , vĩ sai duệ, thi khí ninh, soa ha (7 biến)

NAMO GRAMANDA VIŠAYE 'SIKHINI SVÀHÀ

.) Liên Hoa Bộ Phụng Thiêu Hương Chân Ngôn

ଓঁ এঙ্গনি মুগি যুগি যুগি শন

Úm, chiến nại ra, bà, nạn nõa lý , già lật ni kỳ lý ni, hông, phấn tra (7 biến)

OM CANDRABHA (?CANDRÀBHA) MANDALI GHRNI GHRNI HÙM PHAT

.) Kim Cang Bộ Phụng Thiêu Hương Chân Ngôn

ॐ चंद्रां चंद्रां शुभं

Úm, vĩ tát ra, vĩ tát ra, hông, phấn tra (7 biến)

OM VISARA VISARA HÙM PHAT

_ Lại trước đã nói làm cho sạch.... cho đến Quang Trạch, thức ăn uống dùng Chân Ngôn này và Bổn Chân Ngôn trì tụng, sau đó kết Án mà phụng hiến

Phụng Thực Chân Ngôn

ॐ पूर्णं रशं शुक्रं दधं मंशं अशं मृतं मयं अशद्वा
शुक्रं सत्त्वां अशद्वा उमद्वा उमद्वा मृतं मयं अशद्वा
पूर्णं शुक्रं

Au sai độ nạn, ra tố hạ lật nẽ dã, ẽ sai mān đa ra thiết mộ ma lý mān
dã, ninh phệ nẽ đổ, bạt cật để dạ, bát ra để cật lật trí dã, bát la tứ na
dương.

Úm, a hạ ra, a hạ ra, tát ra phạ vĩ nẽ dạ đat ra, bô nhĩ đế, soa ha (7 biến)

OSADHENAM RASU (?RASAU) HRDYA ESA MAM TTRA'SADO
MALI (?TTRA'SANO VALI) MAYA (?MAYO) NIVENIDO (?NIVEDITO)
BHAKTYA PRATIGRHYA PRASIDAME

OM AHARA AHARA (?ÀHARA ÀHARA) SARVA VIDYADHARA
(?VIDYADHÀRI) PÙJITE SVÀHÀ

Án Tướng: Ngửa 2 lòng bàn tay hướng lên trên, cạnh bàn tay dựa nhau, 2
ngón vô danh đều chạm đầu nhau ở bên, hơi co 2 ngón trỏ phụ bên ngón giữa,
2 ngón cái phụ bên 2 ngón trỏ, làm như vốc nước. Án này thông cho cả 3 Bộ.

.) Phật Bộ Phụng Thực Chân Ngôn

ॐ अग्नं शुक्रं

Úm, kế ma nhi ni , soa ha (7 biến)

OM CCHEDA MINA SVÀHÀ

.) Liên Hoa Bộ Phụng Thực Chân Ngôn

ॐ अरुणं शुक्रं

Úm, vĩ lộ khẩu ninh, sa ha (7 biến)

OM VIROKINI (?VILOKINI) SVÀHÀ

.) Kim Cang Bộ Phụng Thực Chân Ngôn

ॐ वज्रिनी वज्रामगे शुक्रं

Úm, phạ nhật lị ni, phạt nhật lam nghệ, sa ha (7 biến)

OM VAJRINI VAJRÀMGE SVÀHÀ

_ Lại trước nói làm sạch... cho đến Quang Trạch, Nhiên Đăng (Đốt đèn) dùng Chân Ngôn này và Bổn Chân Ngôn trì tụng, kết Thủ Án mà phụng hiến

Phụng Nhiên Đăng Chân Ngôn

ରକ୍ଷଣା ପତ୍ରର ଶିଖି ମହାଵିଦ୍ୟା ମନୁଷ୍ୟ ଜୀବଦ୍ୱାରା
ଦେଖି ଅଧ୍ୟାତ୍ମିକ ସମସ୍ତାନଙ୍କ ଓ ମହାନାଥ ମହାନାଥ ସର୍ବ ଅଞ୍ଚଳର
ମନୁଷ୍ୟ ମନୁଷ୍ୟ

Ra cật sô, cật nă̄ng sái dã, bể vĩ đát ra, thất dã, đởm mô vĩ đàm mā̄n
nă̄ng thâu bà mā̄n dã, ninh phệ nẽ đõ, bạt cật để dã, nê báo diêm, bát ra
cật để hê dã nan

Úm, a lô ca dã, a lô ca dã, tát ra phạ vĩ nẽ dã đạt ra, bô nhĩ đế, soa ha
(7 biến thông cho cả 3 Bộ)

RAKSOGHNA’SCA PAVITRA’SCA NAMMOVIDHAM
(?TAMOVIDHAM) MANAH ‘SUBHA MAYA NIVEDITO BHAKTYA
DITHOYAM (?DIPOYAM) PRATIGRHYANAM

OM ALOKA ALOKA (?ÀLOKA ÀLOKA) SARVA VIDYADHARA
(?VIDYADHARI) PÙJITE SVÀHÀ

Án Tướng: Tay phải nắm quyền, duỗi ngón giữa, ngón cái vịn nhau đứng
thẳng. Đây là Phụng Nhiên Đăng Án thông cho cả 3 Bộ

.) Phật Bộ Phụng Đăng Chân Ngôn

ତ ମହା ହାତ ଗୁରୁ ଆଜା

Úm, a mā̄n na kiêm để để nhĩ ninh, soa ha (7 biến)

OM AMALA KÀMTI TEJINI SVÀHÀ

.) Liên Hoa Bộ Phụng Đăng Chân Ngôn

ତ ଏହା ଅନ୍ତର୍ମା ଗୁରୁ କଣ୍ଠ

Úm, chiến an ni ninh như ta nă̄ng ra rị, hō̄ng, phẩn tra (7 biến)

OM CANDA NIJOSTÀ KARI HÙM PHAT

.) Kim Cang Bộ Phụng Đăng Chân Ngôn

ତ କିମ୍ବା ହୃଦୟ କଣ୍ଠ

Úm, vĩ phạ lật đà lô dã nă̄ng, hō̄ng, phẩn tra (7 biến)

OM VIVRTA LOCANA HÙM PHAT

_ Lại Chân Ngôn và Thủ Án vận Tâm cúng dường nếu không bày biện
Đồ Hương..... đến đèn sáng cúng dường. Chỉ tụng như trên mà hiến Đồ
Hương.... Các Chân Ngôn, Thủ Án cũng thành cúng dường đầy đủ.

_ Lại vận Tâm cúng dường tức là dùng Tâm mà tưởng các hoa nơi nước,
không có chủ , đầy khắp cả 10 phương hư không và dùng mây hương thù diệu
của Trời Người, hương đốt, đèn sáng , cờ xí, lọng báu, các thứ kỹ nhạc ca vịnh
hát xướng, chân châ, lưỡi võng, treo các chuông báu, hoa, chuông mõ, phất
trần, lưỡi, cây báu Như Ý; mây quần áo, âm nhạc của chư Thiên , cung điện,
lầu gác, trụ báu trang nghiêm, chuỗi Anh Lạc, mao đội của chư Thiên như vậy
như mây. Hành Giả vận Tâm tưởng đầy cả hư không. Dùng phương cách này
thành tâm cúng dường là hơn hết cho đến Hành Giả dùng tâm quyết định mà

làm Pháp này , vận Tâm cúng dường , trì tụng Chân Ngôn và kết Án thì nơi tưởng như trên đều thành tựu

Chân Ngôn là:

ॐ सर्वथा क्षमा उद्गते स्फारा हिमा

Úm, tát ra phạ tha kham, ốt na nghiệt đế , sa bạt ra, hê môn, già già nǎng kiém, soa ha (7 biến)

OM SARVATHÀ KHAM UDGATE SPHARA HIMAM
GAGANAKÀM SVÀHÀ

Án Tướng: Hai tay chắp lại, cài chéo các đầu ngón tay, bên phải đè bên trái, rồi để trên đắnh. Đây là **Thành Tựu Vận Tâm Cúng Dường Thủ Án**

_ Phàm làm cúng dường nên đủ Pháp cho đến thành tâm và hiến Ủ Già đều dùng Chân Ngôn và Thủ Án trì tụng thành tựu, vận Tâm chắp tay để trên đắnh mới thành Pháp cúng dường đầy đủ

_ Lại Pháp **khen ngợi** (tán thán): Trước tiên phát lòng tin chí thành, trân trọng khen ngợi Phật Đức cùng Pháp Tăng, Quán Tự Tại, Kim Cang Bồ Tát...

_ Khen công đức của Phật

Đảng Đại Bi cứu đời

Đại Sư của tất cả

Biển Công Đức vô biên

Con cui đầu đánh lẽ

_ Lại khen Đức của Pháp

Pháp thanh tịnh ly dục

Hay trừ các đường ác

Chân Tịch Đệ Nhất Nghĩa

Cúi đầu y theo Pháp

_ Lại khen Đức của Tăng

Khéo được Đạo giải thoát

Diệu trụ các Giác Địa

Lương Phước đều hơn hết

Nay con xin quy mạng

_ Lại khen Quán Tự Tại

Chư Phật đại cát tường

Đây đủ nơi Tôn Đức

Hiệu là Quán Tự Tại

Quy y thường tịch nhiên

_ Lại khen Chấp Kim Cang

Sức mạnh rất giật dữ

Thành tựu Đại Minh Vương

Điều phục kẻ khó điều

Quy y Chấp Kim Cang

Trước tiên Quy Y chư Đại Bồ Tát , nếu muốn khen ngợi thì tùy ý theo như Kinh mà khen ngợi. Muốn khen ngợi các Bổn Tôn khác cũng nên y theo Kinh

_ Lại sám hối các tội, tùy hỷ các phước, thỉnh triệu, khuyến thỉnh thường trú ở đời lợi lạc Hữu Tình

_ Lại quy mệnh Tam Bảo, phát Tâm Bồ Đề, phát Nguyện

.) Đầu tiên là **Sám Hối** : *Cúi xin mười phương hết thảy chư Phật, chư Đại Bồ Tát, La Hán Thánh Tăng thường nhớ nghĩ đến con, thường chứng biết cho con. Hoặc trong đời này, hoặc trong đời trước, từ vô thủy sanh tử đến nay theo Tham Sân Si, hết thảy phiền não làm não loạn thân tâm, tạo nhiều tội lỗi nơi Phật Pháp Tăng, cha mẹ, sư trưởng cùng chư Bồ Tát, hết thảy Thánh Nhân và các loại chúng sanh có Đức không Đức; chạy theo ba Nghiệp tạo các tội nặng tự làm hoặc bảo người khác làm, thấy làm tùy hỷ. Các tội như vậy nhiều vô lượng vô biên. Nay đổi trước chư Phật Bồ Tát, thành tâm phát lộ trân trọng sám hối. Một khi sám hối rồi, sau không làm nữa. Cúi xin mười phương hết thảy chư Phật, chư Đại Bồ Tát Từ Bi chứng biết, tội chướng tiêu trừ.*

.) **Quy Y Tam Bảo** : Vì trừ các khổ cho chúng sanh nên quy y Tam Bảo. Như đây nhớ niệm Tam Bảo, các Ân Đức, dùng đầu đánh chạm đất Quy Y. Nói lời như vầy:

"Con..... nguyện từ thân này cho đến khi ngồi ở Bồ Đề Đạo Tràng, quy y Như Lai, ba Thân Vô Thượng. Quy y Phương Quảng Đại Thừa Pháp Tạng. Quy Y hết thảy Bất Thoái Bồ Tát Tăng. Cúi xin mười phương hết thảy chư Phật, chư Đại Bồ Tát Từ Bi nghiệp thọ"

Nên theo như đây Quy y Tam Bảo

.) **Phát Tâm Bồ Đề** : *Bồ Đề Tâm đây gọi là Vô Thượng Đại Thừa Chứng Tử, hay ban cho chúng sanh Cam Lộ giải thoát, Diệu Quả nên trân trọng tiến tu hay sanh Tất Địa. Vì muốn đoạn trừ vô lượng các khổ của chúng sanh trong ba cõi, không nhiễm phiền não, vượt khỏi ba đường ác, họ thân Tam Hữu chịu vô lượng khổ. Nay con vì làm nơi che chở cứu giúp. Kẻ không có nơi nương tựa, không có chủ thời con sẽ làm chỗ cho nương dựa. Kẻ vượt biển sanh tử thời con sẽ làm Thuyền Sư. Kẻ bị lạc đường thời con sẽ làm người chỉ lối. Kẻ không có ai cứu độ thời con sẽ cứu hộ trừ khổ ban cho vui sướng. Hết thảy chúng sanh có các Phiền Não và Tùy Phiền Não thời con đều trừ diệt, luôn nhớ nghĩ Nghiệp Thiện, không nhớ Ác Duyên. Các thứ công đức Trí Tuệ trang nghiêm nơi thân, sáu Ba La Mật thường tu không gián đoạn, nhiều ích chúng sanh, cùng tu Phước này. Con trong đời này và các đời khác: Phước Trí đã tu nhiều ích chúng sanh. Nơi có Phiền Não và Tùy Phiền Não đều khiến tội phục. Siêng tu các Thiện Phẩm cho đến Bồ Đề không nhớ các duyên không Thiện Tâm*

Y theo đây mà phát Tâm Bồ Đề

.) Sau lại tu hành Từ Bi Hỷ Xả, luôn trụ trong thanh tịnh, thường nhớ sáu Niệm, xem xét nơi Tâm đúng lý Niết Bàn, vọng tưởng sở chấp thảy đều bỏ hết

.) **Phát Thắng Nguyện:** Như chư Bồ Tát tu hành các Thiện Phẩm, phát *Thắng Nguyện rộng, nhiêu ích Chúng sanh. Con có các việc Thiện cũng y như vậy. Lại nguyện hay trừ hết thảy các khổ Địa Ngục của chúng sanh, tròn đầy Phước Đức, chứng niềm vui của Niết Bàn. Lại nguyện các chúng sanh được nhiều tào bảo, thường luôn bố thí, đầy đủ Trí Tuệ, thường ôm lòng nhân nhục, ham thích làm các việc Thiện, được Túc Mạng Trí, Bi niệm Hữu Tình. Nguyện các chúng sanh sanh ở nơi đâu thường được các thắng sự như vậy.*

_ Quán Đánh Án Tướng: Hai tay 2 ngón Địa (ngón út) cài chéo nhau nhập vào lòng bàn tay, 2 ngón Thủy (ngón vô danh) đè trên, dựng thẳng 2 ngón Hỏa (ngón giữa) chạm đầu nhau, co 2 ngón Phong (ngón trỏ) để ở lưng 2 ngón Hỏa (ngón giữa) không chạm nhau, thẳng 2 ngón Không (ngón cái) để dưới lòng thứ hai của 2 ngón Hỏa (ngón giữa) liền thành. Đây là **Quân Trà Lợi Thân Án** Dùng Án vốc nước, niệm Chân Ngôn 7 biến hoặc 21 biến, 108 biến tùy ý tắm gội.

_ Lại nói Án Tướng khác. Tay Quán (tay phải) ngón Không (ngón cái) nắm ngón Địa (ngón út), thẳng 3 ngón kia như hình chày ba chia. Đây là **Quân Trà Lợi Yết Ma Án**

_ Gia trì Đất sau đó thêm văn của 2 Án. Văn của Án ấy nói là: Nội Phộc (Cài chéo các ngón tay bên trong rồi nắm lại thành quyền) 2 Địa (ngón út) hợp đầu ngón như hình Chày, dùng chạm đất, 3 lần hạ xuống tức là Án này.

_ Lại có Án: Nội Phộc, kèm đuôi hợp 2 Không (ngón cái) 2 Phong (ngón trỏ), Không (ngón cái) hợp bên trong Phong (Ngón trỏ), 2 Địa (ngón út) cũng đuôi hợp. Liền dùng Án ở trên mặt đất chuyển bên phải 3 vòng tức thành Kết Hộ. Tiếp theo đến **Tịch Trừ Án**. Ở mỗi một Thời, như Pháp niêm tụng.

_ Lại thêm **Pháp Yếu Niệm Tụng**: Có 4 thứ tức là **Chữ Só Niệm Tụng**, **Thời Só Niệm Tụng**, **Tướng Mạo Niệm Tụng**, **Tăng Gia Niệm Tụng**. Niệm tụng xong rồi tùy theo chỗ mong cầu thành tựu, trân trọng cầu xin. Sau đó niệm tụng **Hộ Ma** y như Pháp nên hay đầy đủ các điều cầu xin tùy ý thành tựu. Dù cho Bổn Pháp không nói Hộ Ma, vì cầu Tất Địa nên y theo Pháp mà làm.

_ **Vật thành tựu** có hai loại: Một là Thư Hoàng, Chu Sa, các loại. Hai là Tâm Ý tịnh tùy theo lòng ưa thích vật gì. Y theo Pháp đơn giản chọn lựa làm Tịnh, cầu các Thắng Duyên, mỗi mỗi y theo Bổn Pháp, gia trì như Pháp, Quán Đánh đủ 3 Duyên tức là nói **Thuốc, vật và Tự Thân** đủ 3 duyên này mới có thể cầu Tất Địa. Trước tiên quán mỗi một tướng trong ngoài, đủ hạnh Tinh Tiến, y Giới của Chân Ngôn để trừ vô lượng nghiệp Bất Thiện cho nên y theo Giáo tông tu Pháp Bạch Tịnh khiến tội tiêu trừ rồi mới tụng Chân Ngôn cho đến được Tất Địa Thành Tựu. Lại khiến tăng trưởng Nghiệp Bạch Tịnh khiến cho thật tròn đủ rồi nên y theo Pháp trì tụng Chân Ngôn cho đến khiến được thành tựu Tất Địa.

_ Như **Quán Tâm** : Y trụ một cảnh, buộc niệm chuyên chú tưởng đầu mũi không cho tán loạn, Tam Muội tương ứng, người trì tụng cũng nên như vậy, do Tâm cột buộc tưởng , bày ở Chân Ngôn . Dùng **Cấm Duyên** này sẽ được thành tựu.

_ Làm **Thành Tựu** : là đầy đủ Tọa Cụ và Chân Ngôn. Vào ngày mồng tám, ngày 14, ngày 15 của kỳ Bạch Nguyệt (15 ngày đầu của tháng) , ngày Nhật Tực, Nguyệt Thực , ngày động đất, ngày mồng một cho đến ngày 15 . Các ngày như vậy làm Pháp thành tựu, y theo Bổn Pháp cần phải đầy đủ. Trước đã chọn được chỗ đất tốt, ở ngay chỗ ấy làm Pháp **Kết Hộ** tùy theo Pháp Tất Địa, tạo Mạn Đà La (Maṇḍala:Đàn Tràng) , y nơi Trì Minh và các Pháp Mạn Đà La , an **Thập Phương Thân** (các vị Thân ở 10 phương) , như Pháp cúng dường, dâng các vật cúng với Trợ Bạn (Người trợ giúp cho ta tu) , kết hộ ta và họ thì mới có thể vào trì niệm làm Pháp thành tựu.

_ Đến lúc Phát Khiển, khen **Hàng Tam Thế** như sau

Quy mạng Kim Cang Thủ
Tối phục các loại Ma
Đủ các hạnh Phổ Hiền
Biển Công Đức vô biên
An trụ thân Bổn Hữu
Tịch tịnh không đầu đuôi
Diệu dụng ban các Nguyên
Diều Ma , diệt ba Độc
Đổi thay nên tu hành
Cứu độ các Hữu Tình
Khiến ra khỏi sanh tử
Từ Phàm vào Phật Địa

TÔ TẤT ĐỊA YẾT RA CÚNG DƯỜNG PHÁP QUYẾN THỨ HAI (Hết)

_ Thỉnh Hỏa Thiên Chân Ngôn

ॐ एह्येहि महा राम देवर्थिद्धि सत्ता
सिसाम निहोवा अह्या बह्यावाहनया स्वाहा

OM EHYEHI MAHÀ BHÙTA DEVARTHIDDHJA SATTA
HITVAHU MAHÀ RAMA SISAM NIHITOVA A'SAYE HÀHYA
BHACYAVAHÀNAYA SVÀHÀ

_ Xúc miệng Chân Ngôn

ॐ अग्यो हद्या कद्या वनये हिद्या हिद्या पाया

_ Chỉ Lị Chỉ Lị Phản Nộ

ॐ हिलिहिलि वज्रा हुम् फत्

OM HILIHILI (?KILIKILI) VAJRA HÙM PHAT

_ Rưới vẩy nước hương

ॐ अमुते हना हना हुम् फत्

OM AMUTE (?AMRTE) HANA HANA HÙM PHAT

_ Đốt lửa

ॐ बुर्जावला

OM BHURJAVAŁA (?BHŪR JVALA)

_ Phật Bộ Ngũ Tịnh

नमः बगवते उश्निसया विराजो विशुद्धे विशुद्धे विशुद्धे

NAMO BHAGAVATE USNISAYA (?USNISĀYA) VI'SUDDHE
VIRAJO (?VIRAJA) 'SIVI 'SAM (? 'SĀNTI) KARI SVĀHÀ

_ Liên Hoa Bộ Ngũ Tịnh

नमः बगवते पद्मपानया

NAMO BAGAVATE PADMAPANAYA (?PADMAPĀNĀYA) 'SĀJO
(?OM YA'SOYE SVĀHÀ)

_ (? Kim Cang Bộ Ngũ Tịnh)

नमः रत्ततुया नमः शंखा वज्रपानया महा वज्रपानया तं शंखे

NAMO RATTATUYA (?RANATRAYĀYA)

NAMAḥ 'SCĀNDĀ VAJRAPĀNAYE (?VAJRAPĀNĀYE) MAHĀ
YAKṢA SENAPATE (?SENAPATAYE)

OM VIKHI (?SIKHI) NIRMALE PRABHE PRABHESVĀLE
(?PRABHESVĀRE) TAJAVANI (?TEJAVATI) PRABHAVATI SVĀHÀ

Mùa Hạ Năm Bính Tuất (2006)